TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

Tài liệu
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
QUẢN LÝ CHI PHÍ TẠI CHXD TRÊN EGAS & TÍCH HỢP SAP

HÀ NỘI, T09/2018

BẢN GHI NHẬN THAY ĐỔI

*T - Thêm mới S - Sửa đổi X - Xoá

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
01/09/2018		Viết mới	T*		1.01
30/05/2020	5.1	Sửa đổi	S	Được phép chỉnh sửa định mức chi phí các chỉ tiêu đã được phân bổ và ghi lại history các lần chỉnh sửa	1.02
30/05/2020	5.2	Bổ sung	T	Bổ sung chức năng nhập Biên lai, biên nhận cho các chứng từ chi phí bất thường - BK10	1.02
30/05/2020	8	Bổ sung	S	Các báo cáo có bổ sung BK10	1.02
30/05/2020	7.1	Bổ sung	S	Tích hợp thêm chứng từ BK10	1.02
30/09/2020	5.2	Sửa đổi	S	Bổ sung diễn giải chi tiết cho các chỉ tiêu chi phí: Cập nhật thông tin diễn giải tại các chứng từ kê khai chi phí (BK3, BK5, BK9, BK10): - Tab "Hoá đơn VAT: Bỏ cột diễn giải - Cập nhật diễn giải tại Tab "Phần kê chi phí"	1.03
30/09/2020	8.8 8.9	Sửa đổi	S	Bổ sung diễn giải chi tiết cho các chỉ tiêu chi phí tại báo cáo: - Bảng kê chứng từ thanh toán – VP - Bảng kê chứng từ thanh toán- CH	1.03
30/09/2020	7.3	Sửa đổi	S	Thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy "diễn giải" chi tiết từng chỉ tiêu. Nếu không cập nhật chi tiết thì lấy diễn giải tổng cập nhật ở "Ghi chú"	1.03
30/09/2020	7.4	Sửa đổi	S	Thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy "diễn giải" chi tiết từng chỉ tiêu. Nếu không cập nhật chi tiết thì lấy diễn giải tổng cập nhật ở "Ghi chú"	1.03
30/09/2020	8.8	Sửa đổi	S	Không cho phép sửa trường Loại hình kinh doanh, Hạng mục phí chứng từ hóa đơn đầu vào đối với các chứng từ BK3, BK5, BK9, BK10	1.03

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
20/11/2021	5.2	Bổ sung	S	- Tạo mới mức thuế suất 3.5% và 7% ở danh mục biểu thuế suất. - Chặn lưu chứng từ khi nhập trùng "Mẫu HĐ-Số xê ri", "Số hóa đơn", "Loại hóa đơn" ở Tab "Hóa đơn giá trị gia tăng". - Cho phép tạo nhiều chứng từ trùng "Mẫu HĐ-Số xê ri", "Số hóa đơn" nhưng khác "Loại hóa đơn" (thuế suất).	1.04
20/1/2022	8.8	Chỉnh sửa	S	Bổ sung cột Loại hình kinh doanh, Hạng mục phí trên báo cáo	1.05
09/02/2022	5.2	Bổ sung	S	Bổ sung thêm mức thuế 8% ở các chứng từ hóa đơn chi phí đầu vào BK3,BK9	1.06
18/6/2024	8.9	Chỉnh sửa	S	Bảng kê chứng từ thanh toán- CH: Bổ sung cột "Mã FDA" sau cột Chứng từ/Loại: Lấy dữ liệu mã tham chiếu FDA	1.06
30/07/2025	5.2	Chỉnh sửa	S	Sửa theo nội dung Nghị định 70/2025/ND-CP: - Bổ sung trường “Ngày ký số” trên màn hình nhập Hóa đơn chi phí trong định mức và Hóa đơn chi phí bất thường. - Ngày ký số = Ngày hóa đơn nếu hóa đơn không có Ngày ký số. Đồng thời ngày chứng từ > = Ngày ký số, Ngày hóa đơn và thuộc Kỳ thanh toán	1.07
30/07/2025	2	Chỉnh sửa	S	Sửa theo nội dung Nghị định 70/2025/ND-CP: - Để đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT theo quy định của ND70, nội dung “Chi phí thanh toán hàng tháng của CHXD” tại CHXD sẽ không chi trực tiếp từ nguồn tiền bán hàng, mà sẽ chuyển thành tạm ứng tại VPCty/CN	1.07
03/03/2026	7.8	Chỉnh sửa	S	Bổ sung thêm mẫu in giấy để nghị chuyển tiền	1.07
22/06/2026	3.9	Bổ sung	S	Bổ sung danh mục Chỉ tiêu chi phí VPCTY chi hộ CHXD	1.07

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
22/06/2026	7.15	Bổ sung	S	Bổ sung báo cáo theo dõi tình hình chi hộ CHXD	1.07
22/06/2026	7.3 7.4 7.5	Bổ sung	S	Bổ sung cột chênh lệch tại các báo cáo: + Chênh lệch lượng= lượng đề nghị- lượng phê duyệt. +Chênh lệch tiền= tiền đề nghị - tiền phê duyệt	1.07
15/09/2026	5.4	Chỉnh sửa	S	Thay đổi quy tắc chuyển trạng thái Kỳ thanh toán như sau: + Nếu trong Kỳ thanh toán không phát sinh dữ liệu chi phí trong định mức (BK3 hoặc BK5), sau khi phê duyệt chứng từ chi phí bất thường, phần mềm sẽ chuyển Trạng thái kỳ thanh toán = Đã phê duyệt. + Nếu trong Kỳ thanh toán có phát sinh dữ liệu chi phí trong định mức (BK3 hoặc BK5), phần mềm chỉ chuyển trạng thái Kỳ thanh toán = Đã phê duyệt sau khi phê duyệt chứng từ theo định mức.	1.08
20/09/2026	5.2	Chỉnh sửa	S	Khi thực hiện kê khai tại BK3, BK9 nếu tổng các hóa đơn (đã và đang được kê khai) có HTTT là TM và có giá trị >= 5 triệu (tổng tiền bao gồm cả tiền VAT của hóa đơn, không phải tiền kê khai) có cùng ngày hóa đơn của cùng MST (cùng NCC) (dữ liệu kiểm tra lên cảnh báo sẽ lấy toàn bộ hóa đơn thuộc CC)	1.09
20/09	7.16	Bổ sung	T	Bổ sung báo cáo Kiểm soát hóa đơn theo MST	1.09

MỤC LỤC

1. Tổng quan 8
   1.1. Mục đích 8
   1.2. Ý nghĩa các hình trên hình vẽ 8
   1.3. Các thuật ngữ và viết tắt 8
2. Quy trình thực hiện của hệ thống 9
   2.1. Sơ đồ xử lý 9
   2.2. Quy trình thực hiện trên hệ thống 9
3. Cấu hình 10
   3.1. Loại hình kinh doanh 10
   3.2. Khoản mục chi phí khoán 11
   3.3. Hạng mục chi phí khoán 11
   3.4. Đơn vị tính khai báo chi phí 12
   3.5. Chỉ tiêu chi phí khoán 12
   3.6. Đối tượng chi phí 15
   3.7. Gán chỉ tiêu chi phí cho đối tượng chi phí 15
   3.8. Phân loại Cửa hàng 17
   3.9. Danh mục Chỉ tiêu chi phí VPCTY chi hộ CHXD 17
4. Thiết lập Master Data 18
   4.1. Kỳ Quyết toán 18
   4.2. Kỳ Thanh toán 19
   4.3. Gán kỳ thanh toán cho Cửa hàng 19
5. Xử lý chứng từ chi phí 20
   5.1. Giao chi phí khoán cho Cửa hàng 20
   5.2. CH kê khai chứng từ chi phí 24
      5.2.1 Hóa đơn VAT trong định mức: 27
      5.2.2 Chứng từ chi phí bất thường 33
   5.3. CH gửi Đề nghị phê duyệt chi phí 38
   5.4. Phê duyệt chi phí cho Cửa hàng 39
6. Tích hợp SAP 40
   6.1. Nguyên tắc map giữa EGAS và SAP 40
   6.2. Khai báo bảng Map tích hợp 41
   6.3. Kết xuất dữ liệu ra hệ thống trung gian 42
   6.4. View dữ liệu kết xuất 44
7. Khai thác báo cáo 46
   7.1. Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH 47
   7.2. Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH-KMP 47
   7.3. Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo CH 48
   7.4. Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo CH-KMP 48
   7.5. Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo KMP-CH 48
   7.6. Bảng đề nghị thanh toán 49
   7.7. Bảng đề nghị thanh toán- Tổng chỉ tiêu 50
   7.8. Bảng đề nghị thanh toán NA 50

7.9. Bảng kê chứng từ thanh toán - VP 51
7.10. Bảng kê chứng từ thanh toán - CH 52
7.11. Tổng hợp tình hình định mức chi phí 52
7.12. Bảng kê chi tiết chi phí khoán đã quyết toán 53
7.13. Bảng kê tổng hợp chi phí khoán đã quyết toán 53
7.14. Bảng kê tổng hợp chi phí 53
7.15. Báo cáo theo dõi tình hình chi hộ CHXD 54
7.16. Báo cáo kiểm soát hóa đơn theo MST 55
7.17. Các báo cáo tích hợp 57
8. Các câu hỏi thường gặp 57
8.1. Danh sách các quyền để thực hiện các chức năng tại phân hệ chi phí 57
8.2. Cách tạo một chỉ tiêu chi phí mới từ một chỉ tiêu chi phí có sẵn 57
8.3. Mối quan hệ giữa Kỳ quyết toán và Kỳ thanh toán 58
8.4. Cách tạo một Kỳ thanh toán mới từ một Kỳ thanh toán có sẵn 58
8.5. Giao chi phí khoán theo chỉ tiêu tổng nhưng thanh toán theo từng khoản chi tiết thì thực hiện như thế nào? 59
8.6. Cách thực hiện giao chi phí bằng cả Excel và Load định mức kỳ trước 60
8.7. Mở kỳ kế toán riêng cho các chứng từ chi phí 60

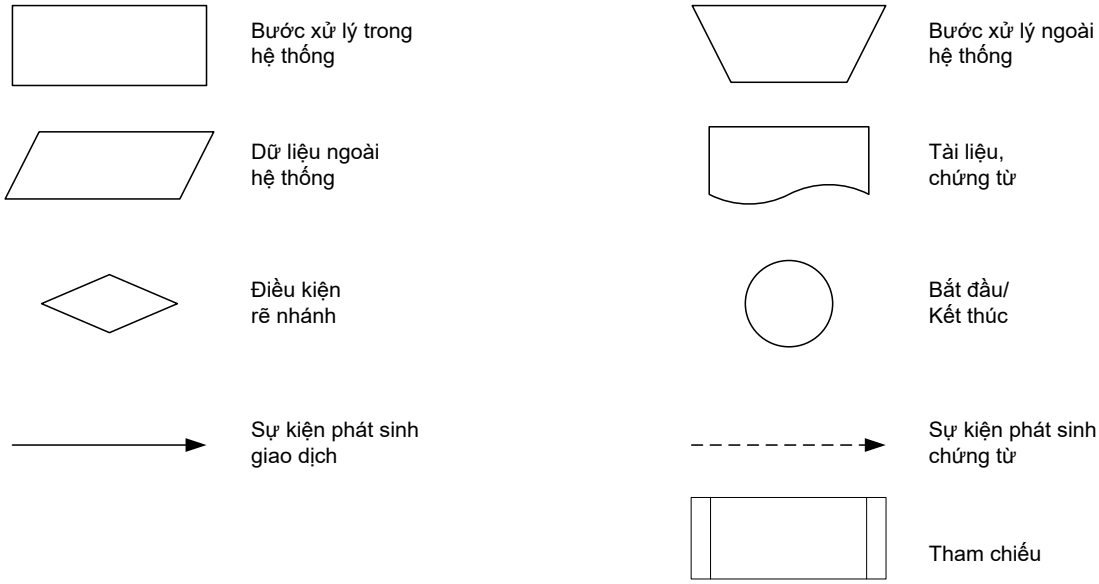
1. TỔNG QUAN

1.1. Mục đích

Hướng dẫn sử dụng hệ thống Quản lý chi phí trên hệ thống Egas

- Các bước cấu hình hệ thống chi phí
- Thiết lập sử dụng hệ thống cho 1 cửa hàng

1.2. Ý nghĩa các hình trên hình vẽ

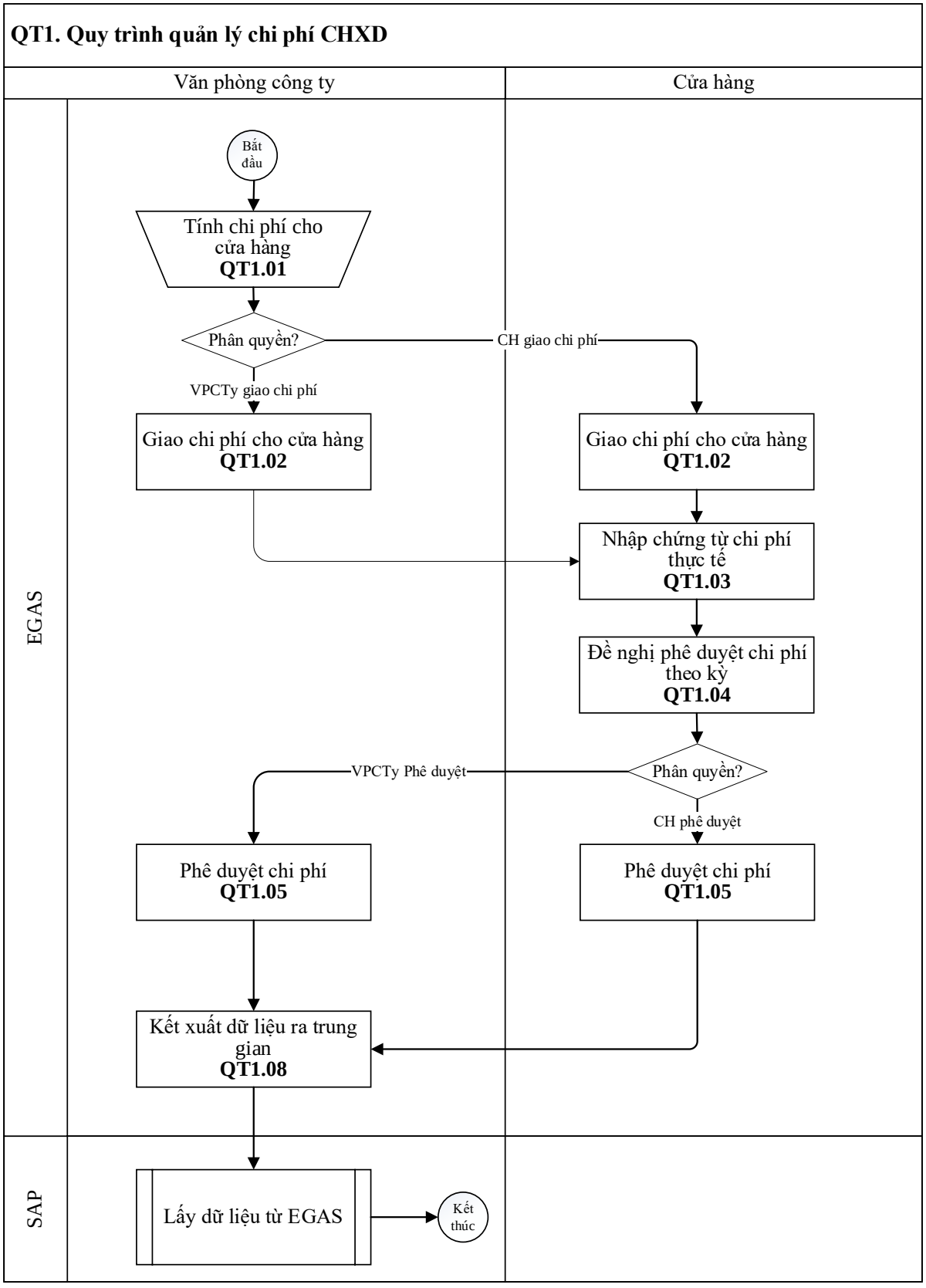


1.3. Các thuật ngữ và viết tắt

STT	Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Diễn giải
1.	VPTĐ	Văn phòng Tập đoàn xăng dầu Việt Nam
2.	PIACOM	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex
3.	VPCTy	Văn phòng công ty
4.	CHXD	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu
5.	EGAS	Phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu
6.	SAP	Phần mềm SAP_ERP
7.	CP	Chi phí
8.	HĐ	Hóa đơn
9.	ĐVT	Đơn vị tính
10.	LHKD	Loại hình kinh doanh
11.	KMP	Khoản mục chi phí
12.	HMP	Hạng mục phí

2. QUY TRÌNH THỰC HIỆN CỦA HỆ THỐNG

2.1. Sơ đồ xử lý



2.2. Quy trình thực hiện trên hệ thống

Bước 1: VPCTy khai báo Cấu hình hệ thống

Bước 2: VPCTy khai báo Master Data

Bước 3: Xử lý chứng từ Chi phí

- VPCty/CH thực hiện Giao chi phí khoán cho CH theo kỳ Quyết toán
- CH thực hiện nhập Chứng từ chi phí theo kỳ thanh toán. Gửi Đề nghị phê duyệt chi phí lên VPCty
- VPCTy/CH thực hiện phê duyệt chi phí theo chứng từ chi phí CH kê khai

Bước 4: VPCTy thực hiện kết xuất dữ liệu tích hợp SAP

Lưu ý:

- Kỳ Quyết toán, Kỳ Thanh toán được khai báo theo khoảng thời gian Từ ngày, Đến ngày.
    - Kỳ quyết toán là kỳ giao định mức cho các chỉ tiêu chi phí, là tháng/ hoặc quý/ hoặc năm.
    - Kỳ thanh toán là kỳ để thanh toán các khoản chi phí cho cửa hàng.

  Một kỳ quyết toán có thể bao gồm một/ hoặc nhiều kỳ thanh toán.
- Dựa vào số giao khoán và số đã thanh toán của các kỳ thanh toán trước, hệ thống tự động tính toán số còn lại được thanh toán trong kỳ thanh toán sau.
- Số không thanh toán hết của mỗi kỳ quyết toán không được chuyển sang kỳ quyết toán sau.
- Giao định mức theo đơn vị tính nào thì thanh, quyết toán theo đơn vị tính đó. Ví dụ: Giao định mức theo ĐVT = M3 thì thanh, quyết toán theo M3. Giao định mức theo ĐVT = Tiền VNĐ thì thanh, quyết toán theo Tiền VNĐ.
- Chi phí được giao và thanh quyết toán theo từng cửa hàng. Vì vậy user quản lý chi phí phải được phân đến cửa hàng (khi login vào Egas thì hệ thống default mã cửa hàng = mã cửa hàng phân cho user).
- Nếu user có chức năng (role) P-MultiPOS thì cần chọn mã cửa hàng ở box chọn cửa hàng trên góc phải màn hình.

3. CẤU HÌNH

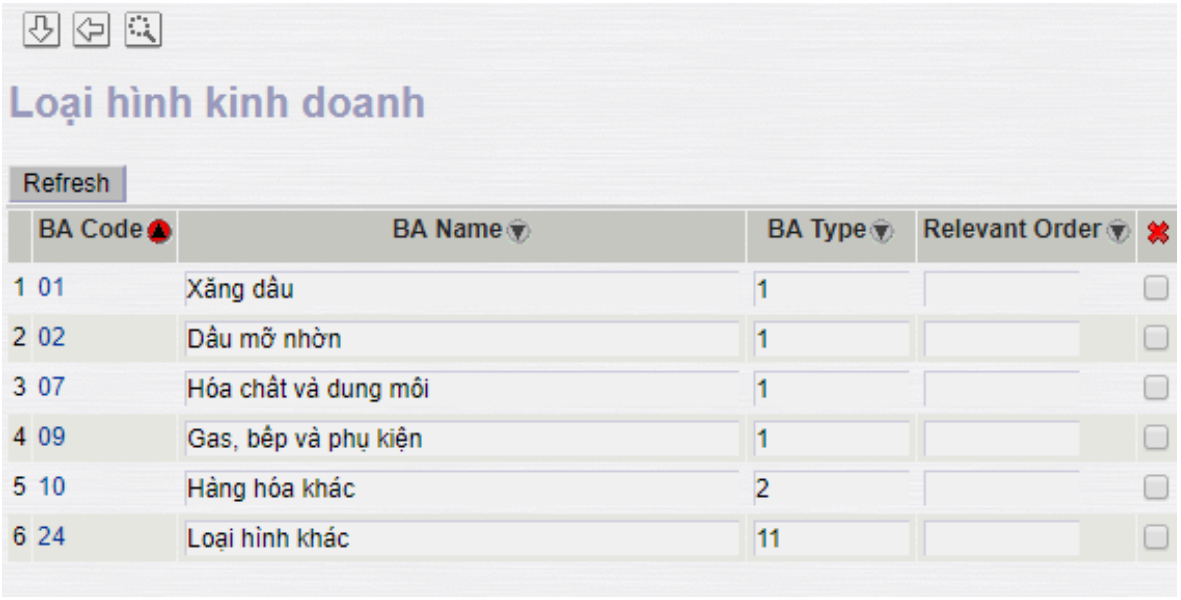
3.1. Loại hình kinh doanh

Mục đích: Dùng để khai báo LHKD tương ứng với LHKD của SAP.

Thực hiện: Administrator

Phạm vi: MD hệ thống

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Loại hình Kinh doanh



3.2. Khoản mục chi phí khoán

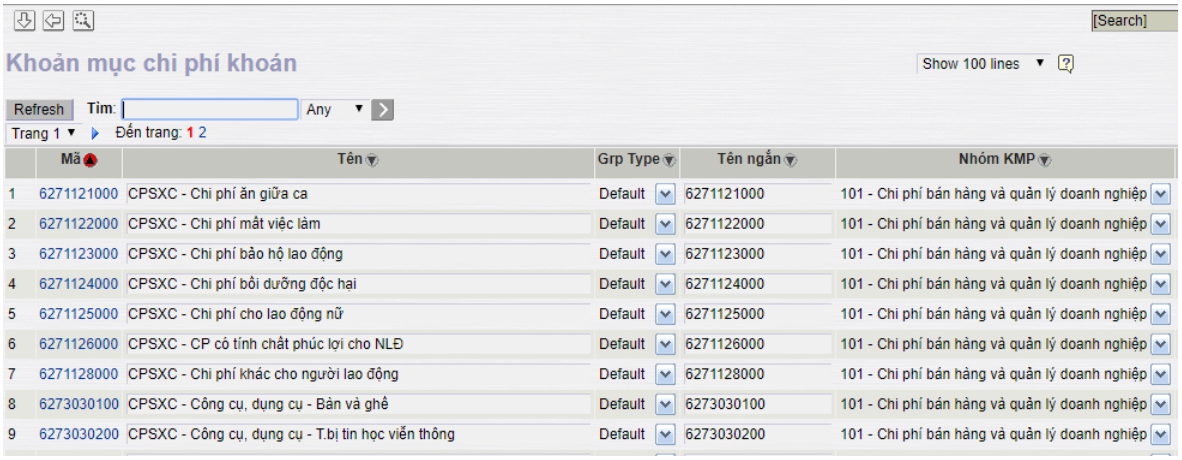
Mục đích:

- Dùng để khai báo Khoản mục chi phí khoán = Mã tài khoản phí chi tiết tương ứng với Khoản mục chi phí và tài khoản phí của SAP.
- Tham chiếu từ Nhóm Khoản mục chi phí khoán

Thực hiện: Administrator

Phạm vi: MD hệ thống

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Khoản mục chi phí khoán



3.3. Hạng mục chi phí khoán

Mục đích:

- Dùng để khai báo Hạng mục chi phí khoán. Mỗi Hạng mục chi phí phải gắn với một Khoản mục chi phí khoán. Cùng một Khoản mục chi phí cho phép đơn vị tạo nhiều Hạng mục chi phí.
- Khi tích hợp ưu tiên CostCenter được khai báo tại danh mục này. Nếu CostCenter tại danh mục này trống thì lấy CostCenter trên bảng Map tích hợp.

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Hạng mục chi phí khoán



	Mã	Tên	Nhóm chi phí	CostCenter	Cost Category
1	CPKD001	CPKD - CP bồi dưỡng độc hại	6411154000 - CPKD - CP bồi dưỡng độc hại		Chi phí
2	CPKD002	CPKD - Sửa chữa tự làm TSCĐ khác	6417052800 - CPKD - Sửa chữa tự làm TSCĐ khác		Chi phí
3	CPKD003	CPKD - Bảo quản - Vệ sinh CN môi trường	6417071200 - CPKD - Bảo quản - Vệ sinh CN môi trường		Chi phí
4	CPKD004	CPKD - Bảo quản - Cắt cỏ, trồng cây	6417071300 - CPKD - Bảo quản - Cắt cỏ, trồng cây		Chi phí
5	CPKD005	CPKD - Bảo quản - Kiểm định	6417071500 - CPKD - Bảo quản - Kiểm định		Chi phí
6	CPKD006	CPKD - Bảo quản - Khác	6417071900 - CPKD - Bảo quản - Khác		Chi phí
7	CPKD007	CPKD - Cước phí vận chuyển thuê ngoài	6417081100 - CPKD - Cước phí vận chuyển thuê ngoài		Chi phí
8	CPKD008	CPKD - Phí Khác	6417081800 - CPKD - Phí Khác		Chi phí

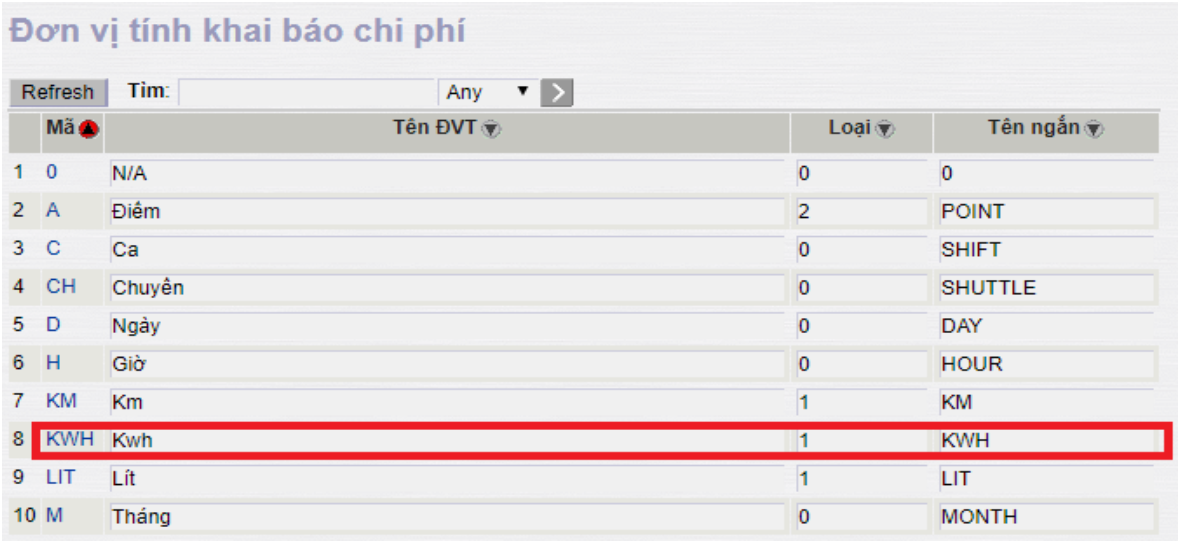
3.4. Đơn vị tính khai báo chi phí

Mục đích: Dùng để khai báo Đơn vị tính để giao định mức các chỉ tiêu chi phí khoán

Thực hiện: Administrator

Phạm vi: MD hệ thống

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Đơn vị tính khai báo chi phí



	Mã	Tên ĐVT	Loại	Tên ngắn
1	0	N/A	0	0
2	A	Điểm	2	POINT
3	C	Ca	0	SHIFT
4	CH	Chuyến	0	SHUTTLE
5	D	Ngày	0	DAY
6	H	Giờ	0	HOUR
7	KM	Km	1	KM
8	KWH	Kwh	1	KWH
9	LIT	Lít	1	LIT
10	M	Tháng	0	MONTH

3.5. Chỉ tiêu chi phí khoán

Mục đích:

- Khai báo các chỉ tiêu chi phí để giao cho CH và kê khai chứng từ chi phí
- Tham chiếu từ Hạng mục chi phí và LHKD

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Chỉ tiêu lương, chi phí, quỹ lương



STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Mã	Mã chỉ tiêu	101	Tự nhập	X
2	Diễn giải	Tên chỉ tiêu (Tối đa 35 ký tự)	KWh điện thắp sáng	Tự nhập	X
3	Hạng mục phí khoán	Hạng mục chi phí khoán Nếu bỏ trống Hạng mục phí: khi cập nhật chi phí cho chỉ tiêu này cho phép người dùng lựa chọn Hạng mục phí trong danh mục	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Chọn từ Danh mục	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
4	LHKD	Loại hình kinh doanh Nếu bỏ trống LHKD: khi cập nhật chi phí cho chỉ tiêu này cho phép người dùng lựa chọn LHKD trong danh mục	Xăng dầu	Chọn từ Danh mục	
5	ĐVT	Đơn vị tính	KWh	Chọn từ Danh mục	X
6	Phương thức	Phương thức. Luôn chọn "Kê khai trực tiếp"	Kê khai trực tiếp	Chọn từ danh sách	X
7	Hệ số/Định mức	Hệ số giao	1	Tự nhập	X
8	Đơn giá	Đơn giá. - Chỉ tiêu giao khoán theo tiền(ĐVT=VNĐ): Đơn giá = 1. - Chỉ tiêu giao khoán theo Lượng (ĐVT#VNĐ): Đơn giá = 0.	1	Tư nhập	
9	Cộng/Trừ	Không dùng trong hệ thống này	Cộng	Chọn từ danh sách	
10	Loại chi phí	Loại chi phí	Trực tiếp	Chọn từ danh sách	
11	Kê khai Hóa đơn	Luôn tích chọn để khi kê khai, chỉ tiêu hiện lên để kê khai.	Tích chọn	Tích chọn	X
12	Run-order	Không dùng trong hệ thống này	0	Chọn từ danh sách	
13	Loại chấm công	Không dùng trong hệ thống này			
14	Xếp hạng lao động	Không dùng trong hệ thống này			
15	Variant 1	Không dùng trong hệ thống này			

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
16	CEN-REF	-ALL_INV: Chỉ tiêu được thanh toán theo số thực tế phát sinh -Mã Chỉ tiêu: Chỉ tiêu được thanh toán theo định mức khoán	ALL_INV	Tự nhập	X
17	Target	Đối tượng giao. Mặc định = Cửa hàng	Cửa hàng	Chọn từ danh sách	X
18	Duyệt định mức khoán	- Theo định mức: nếu là chỉ tiêu chi phí theo định mức. - Không theo định mức: nếu là chỉ tiêu chi phí bất thường	Theo định mức	Chọn từ danh sách	X
19	Loại	Chọn loại chỉ tiêu Mặc định = Chi phí	Chi phí	chọn từ danh sách	X

Chú ý: Phần "Giá trị" trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

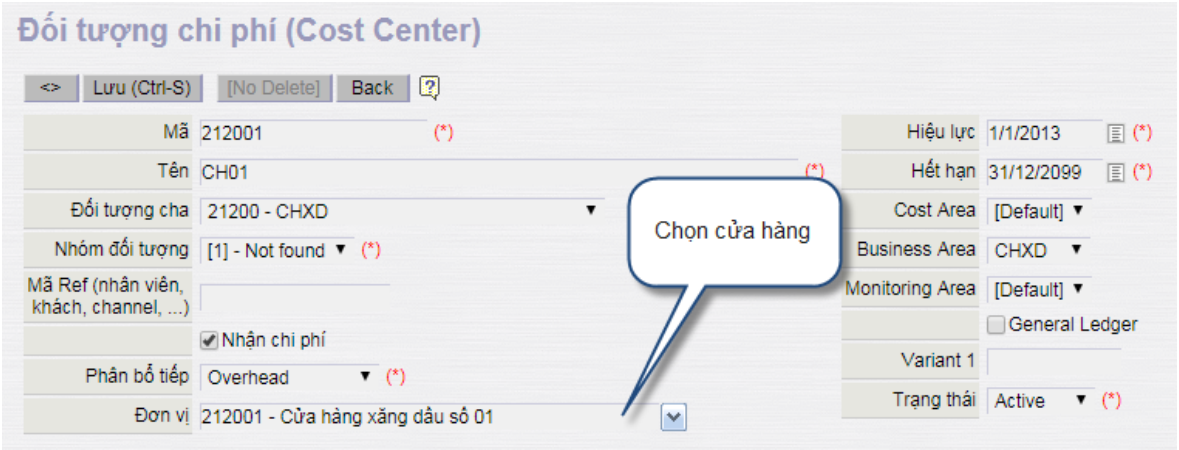
3.6. Đối tượng chi phí

Mục đích: Khai báo đối tượng dùng để gán các chỉ tiêu chi phí. Phạm vi dự án này đối tượng chi phí tương ứng với cửa hàng

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Đối tượng chi phí



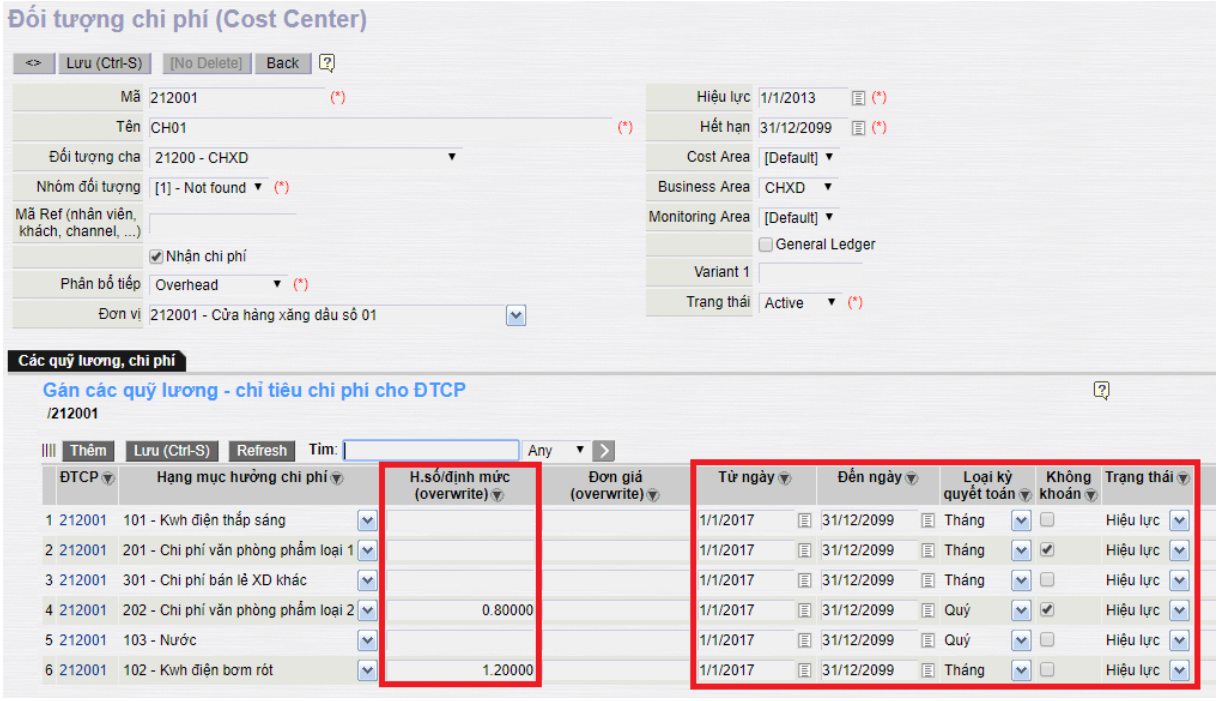
3.7. Gán chỉ tiêu chi phí cho đối tượng chi phí

Mục đích: Gán các chỉ tiêu chi phí mà CH được hưởng

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/ Gán các quỹ lương, chỉ tiêu chi phí cho ĐTCP



STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Hạng mục hưởng chi phí	Hạng mục hưởng chi phí	Các dòng chỉ tiêu chi phí	Chọn từ Danh mục	X
2	Hệ số/ Định mức (Overwrite)	Hệ số giao. Nếu để trống, mặc định là Hệ số được khai báo tại Danh mục chỉ tiêu chi phí		Tự nhập	
3	Đơn giá	Đơn giá. Nếu để trống, mặc định là đơn giá được khai báo tại Danh mục chỉ tiêu chi phí		Tự nhập	
4	Từ ngày	Ngày bắt đầu hiệu lực	01/01/2017	Tự nhập	X
5	Đến ngày	Ngày hết hiệu lực	31/12/2017	Tự nhập	X
6	Loại kỳ Quyết toán	Loại kỳ Quyết toán	Tháng	Chọn từ danh sách	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
7	Không khoán	Sử dụng cho các chỉ tiêu không theo dõi số còn lại trong kỳ thanh toán(thanh toán theo thực tế). Nếu tích chọn: Tại màn hình quản trị chi phí hệ thống không tính số còn lại.		Tích chọn	
8	Trạng thái	Trạng thái	Hiệu lực	Chọn từ danh sách	X

Chú ý: Phần "Giá trị" trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

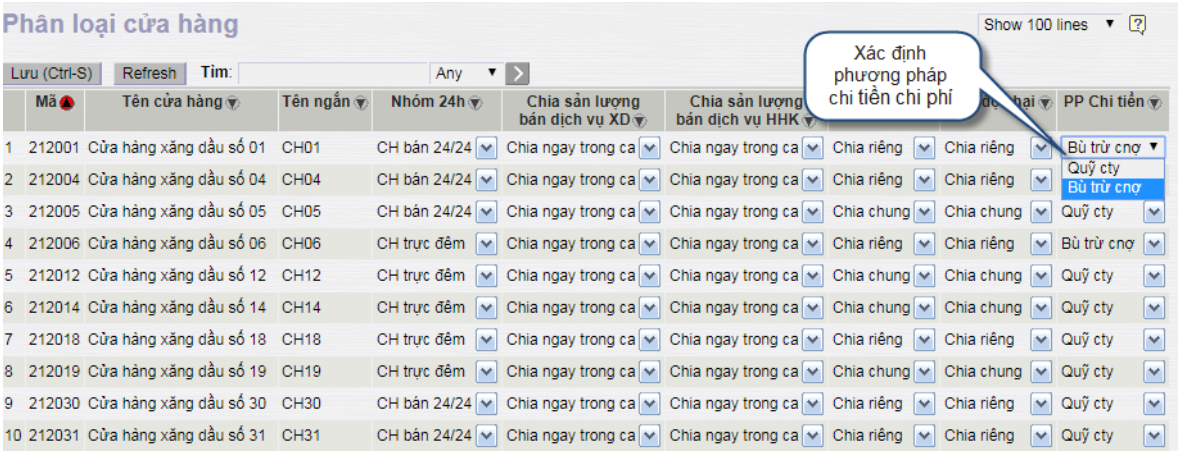
3.8. Phân loại Cửa hàng

Mục đích: Dùng để phân loại các hình thức chi tiền của cửa hàng

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Compay Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Phân loại Cửa hàng



Phân loại Cửa hàng:

- Bù trừ công nợ: Tiền được thanh toán bù trừ vào số tiền bán hàng tại Cửa hàng
- Quỹ công ty: Tiền được thanh toán được chi từ Quỹ công ty cho Cửa hàng

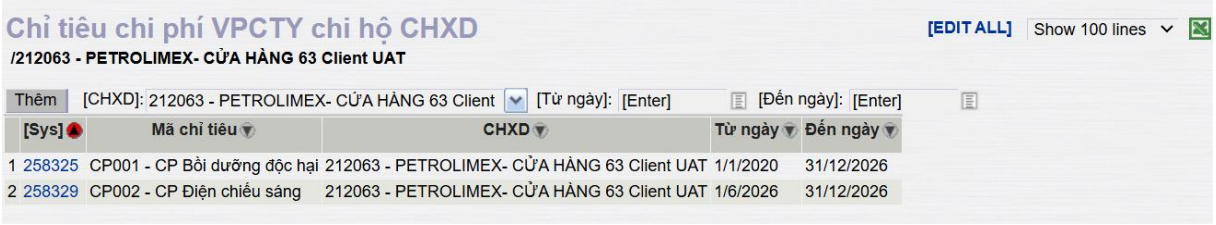
3.9. Danh mục Chỉ tiêu chi phí VPCTY chi hộ CHXD

Mục đích: Dùng để khai báo các chỉ tiêu chi phí VPCTY chi hộ CHXD

Thực hiện: User được phân quyền Cen0, Cen1

Phạm vi: MD Compay Code

Đường dẫn: Chi phí/Danh mục/ Chi phí/ Danh mục chỉ tiêu chi phí VPCTY chi hộ CHXD



- Mã chỉ tiêu: Chọn trong danh mục chỉ tiêu chi phí, quỹ lương
- CHXD: Chọn trong danh mục CHXD
- Từ ngày… đến ngày….: Thời gian hiệu lực áp dụng chỉ tiêu chi phí VPCTY chi hộ CHXD

Thực hiện export dữ liệu ra excel bằng cách kích nút

4. THIẾT LẬP MASTER DATA

4.1. Kỳ Quyết toán

Mục đích: Khai báo Kỳ Quyết toán để giao định mức khoán theo kỳ Quyết toán

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Compay Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Danh mục/Kỳ Quyết toán



Cách đặt mã:

- Tháng: Hai ký tự của năm, hai ký tự của tháng. Ví dụ 1701 = Tháng 01/2017
- Quý: Hai ký tự của năm, hai ký tự của Quý. Ví dụ 17Q1 = Quý 1 năm 2017
- 6 tháng: Hai ký tự của năm, hai ký tự của 6 tháng. Ví dụ 17D6 = 6 tháng đầu năm, 17C6= 6 tháng cuối năm
- Năm: Hai ký tự đầu của năm, hai ký tự sau là 00. Ví dụ 1700 = Năm 2017

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Mã	Mã kỳ	1701	Tự nhập	X
2	Tên	Tên kỳ quyết toán	T01/17	Tự nhập	X
3	Từ ngày	Ngày bắt đầu kỳ	01/01/2017 0:00	Tự nhập	X

4	Đến ngày	Ngày kết thúc kỳ	31/01/2017 23:59	Tự nhập	X
5	Loại	Loại kỳ	Tháng	Chọn từ danh sách	X

Chú ý: Phần "Giá trị" trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

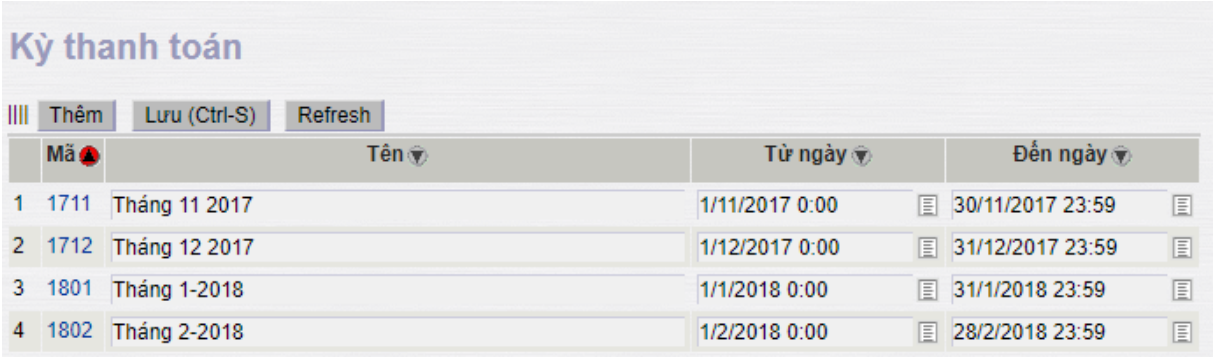
4.2. Kỳ Thanh toán

Mục đích: Khai báo Kỳ thanh toán để kê khai và thanh toán chi phí. Khoảng thời gian Từ ngày, Đến ngày phải thuộc ít nhất 1 kỳ Quyết toán.

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Compay Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Danh mục/Kỳ Thanh toán



STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Mã	Mã kỳ. Cách đặt mã tương tự Kỳ Quyết toán	1701	Tự nhập	X
2	Tên	Tên kỳ thanh toán (Tối đa 7 ký tự)	Tháng 01/2017	Tự nhập	X
3	Từ ngày	Ngày bắt đầu kỳ	01/01/2017 0:00	Tự nhập	X
4	Đến ngày	Ngày kết thúc kỳ	31/01/2017 23:59	Tự nhập	X

Chú ý: Phần "Giá trị" trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

4.3. Gán kỳ thanh toán cho Cửa hàng

Mục đích: Thực hiện giao kỳ thanh toán cho CH. CH chỉ được thanh toán theo các kỳ được giao

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Compay Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Danh mục/Kỳ Thanh toán//Gán kỳ thanh toán cho CH



5. XỬ LÝ CHỨNG TỪ CHI PHÍ

5.1. Giao chi phí khoán cho Cửa hàng

Mục đích: VPCTy thực hiện giao chi phí khoán cho CH.

Thực hiện: User VP/CH (Cấu hình phân quyền)

Phạm vi: Compay Code/CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cửa hàng/Giao chi phí khoán

Điều kiện thực hiện:

- Cấu hình đã được khai báo
- Master Data đã được thiết lập

Nguyên tắc giao chi phí:

- Số giao định mức chi phí khoán:
    - Chỉ tiêu khoán theo Số tiền (ĐVT= VNĐ) thì số giao khoán là Số tiền trước thuế.
    - Chỉ tiêu khoán theo Số lượng (ĐVT # VNĐ, Ví dụ: điện, nước,..) thì số giao khoán là Số lượng.
- Đơn giá: Đơn giá định mức khoán
    - Chỉ tiêu khoán theo Số tiền: Mặc định đơn giá = 1

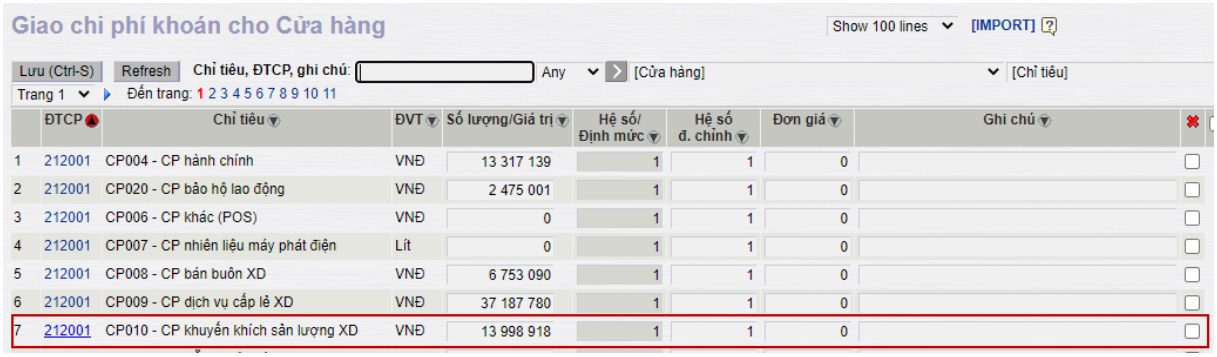
- Chỉ tiêu khoán theo số lượng: Nhập đơn giá khoán. Nếu lấy theo đơn giá của hóa đơn thực tế thì nhập đơn giá = 0.

Cách thực hiện: Giao chi phí khoán theo 1 trong 2 cách sau:

- Load tự động dữ liệu
- Import dữ liệu từ Excel

Lưu ý: Được phép chỉnh sửa định mức chi phí các chỉ tiêu đã được phân bổ và ghi lại history các lần chỉnh sửa. User muốn chỉnh sửa định mức chi phí cần được gán một trong các quyền: CEN0; CEN1; CEN2

Để chỉnh sửa hoặc xem history giao định mức ta kích chọn vào chỉ tiêu cần xem tại màn hình giao chi phí khoán:

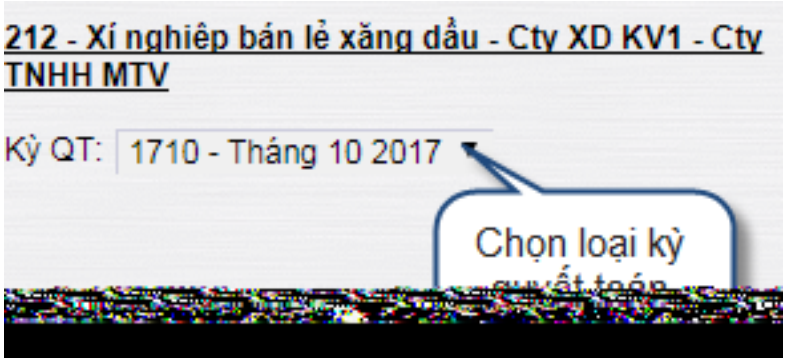


Thực hiện chỉnh sửa định mức hoặc xem history :



5.1.1. Load tự động dữ liệu

Bước 1: Chọn kỳ Quyết toán tại trường "Kỳ QT:"



Bước 2: Kích chọn nút "Copy data"

Chương trình tự động Load chi phí theo nguyên tắc:

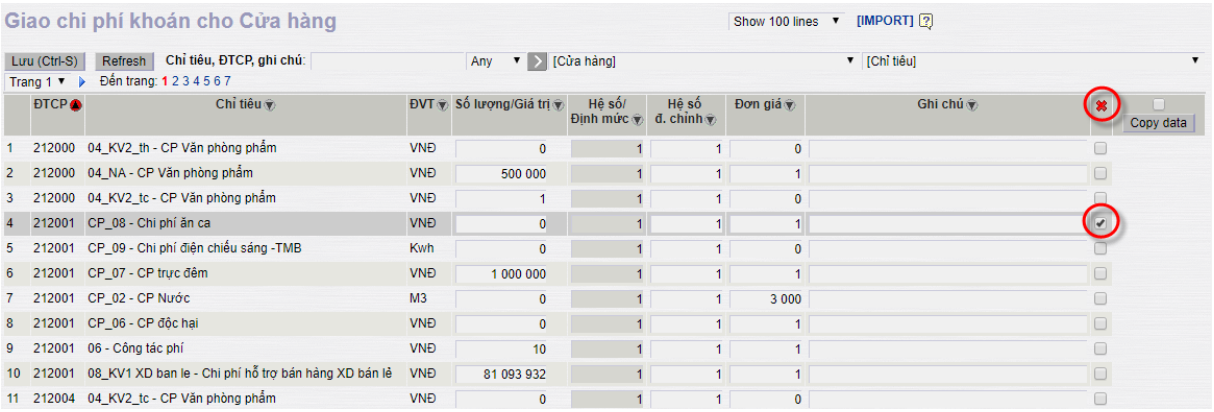
- Load định mức khoán từ kỳ trước. Nếu là kỳ đầu tiên, lấy dữ liệu tại chức năng "Gán chỉ tiêu chi phí cho đối tượng chi phí"

- Chỉ Load chi phí khoán với các chỉ tiêu chưa được giao khoán trong kỳ (chưa xuất hiện trên màn hình giao chi phí) của tất cả các CH.



Với các chỉ tiêu đã xuất trên màn hình chi phí, muốn tự động load chi phí khoán từ kỳ trước thì cần phải xóa chỉ tiêu và thực hiện Load lại định mức bằng các kích vào nút "Copy data".

- Để xóa chỉ tiêu chi phí trên màn hình giao khoán, người dùng kích chọn vào chỉ tiêu cần xóa và thực hiện kích chọn vào nút ✖



STT	ĐTCP	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng/Giá trị	Hệ số/ Định mức	Hệ số đ. chỉnh	Đơn giá	Ghi chú
1	212000	04_KV2_th - CP Văn phòng phẩm	VNĐ	0	1	1	0	
2	212000	04_NA - CP Văn phòng phẩm	VNĐ	500 000	1	1	1	
3	212000	04_KV2_tc - CP Văn phòng phẩm	VNĐ	1	1	1	0	
4	212001	CP_08 - Chi phí ăn ca	VNĐ	0	1	1	1	
5	212001	CP_09 - Chi phí điện chiếu sáng -TMB	Kwh	0	1	1	0	
6	212001	CP_07 - CP trực đêm	VNĐ	1 000 000	1	1	1	
7	212001	CP_02 - CP Nước	M3	0	1	1	3 000	
8	212001	CP_06 - CP độc hại	VNĐ	0	1	1	1	
9	212001	06 - Công tác phí	VNĐ	10	1	1	1	
10	212001	08_KV1 XD ban le - Chi phí hỗ trợ bán hàng XD bán lẻ	VNĐ	81 093 932	1	1	1	
11	212004	04_KV2_tc - CP Văn phòng phẩm	VNĐ	0	1	1	0	

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	ĐTCP	Đối tượng chi phí = Cửa hàng	212001	Chọn lọc theo Cửa hàng	
2	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu chi phí	KWh điện	Hệ thống tự load	X
3	ĐVT	Đơn vị tính	KWh	Hệ thống tự load	X
4	Số lượng/ Giá trị	Số định mức khoán cho chỉ tiêu theo đơn vị tính. Nếu không khoán thì để trống	100	Tự nhập	X
5	Hệ số định mức	Hệ số định mức. Hệ thống tự load từ chức năng Gán chỉ tiêu cho đối tượng chi phí	1	Hệ thống tự load từ chức năng Gán chỉ tiêu cho đối tượng chi phí	X
6	Hệ số điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh.	0.8	Tự nhập	

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
7	Đơn giá	Chỉ khai báo đơn giá với các chỉ tiêu được giao khoán theo Lượng.			

Chú ý: Phần "Giá trị" trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

- Định mức giao = Số lượng/Giá trị x Hệ số định mức x Hệ số điều chỉnh.
- Không sửa được màn hình này nếu CH đã gửi "Đề nghị phê duyệt chi phí"

5.1.2. Import dữ liệu từ Excel

Bước 1: Tạo file template để import vào excel theo mẫu sau:

HPERIOD	POS	CEN	QTY	FACTOR2	FACTOR3	UPrice	N	MY	YY	DIR
1808	212036	CP_01212036	1000 000	1	1	1		8	2018	1
1808	212036	CP_02212036	500000	1	1	1		8	2018	1
1808	212037	CP_01212037	1000000	1	1	1		8	2018	1
1808	212037	CP_02212037	500000	1	1	1		8	2018	1

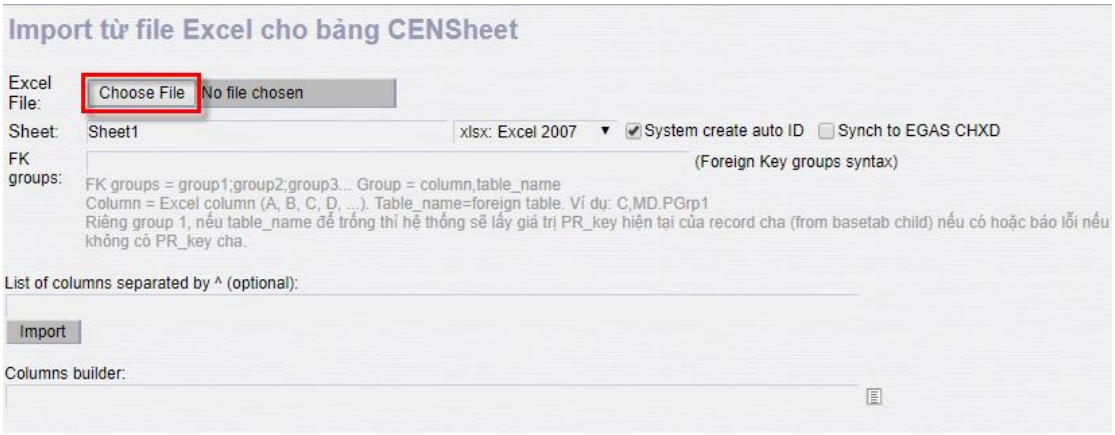
STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	HPERIOD	Mã kỳ thành toán	1808	Tự nhập	X
2	POS	Mã Cửa hàng	212036	Tự nhập	X
3	CEN	Mã chỉ tiêu+ Mã CH	CP_07212036 Trong đó: - Mã chỉ tiêu: CP_07 - Mã CH: 212036	Tự nhập	X
4	QTY	Số lượng/Giá trị khoán	1000000	Tự nhập	X
5	FACTOR2	Hệ số định mức	1	Tự nhập	X
6	FACTOR3	Hệ số điều chỉnh	1	Tự nhập	X
7	UPrice	Đơn giá	1	Tự nhập	X
8	N	Ghi chú		Tự nhập	
9	MY	Tháng thanh toán	8	Tự nhập	X
10	YY	Năm thanh toán	2018	Tự nhập	X
11	DIR	Luôn mặc định = 1	1	Tự nhập	X

Chú ý: Phần "Giá trị" trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

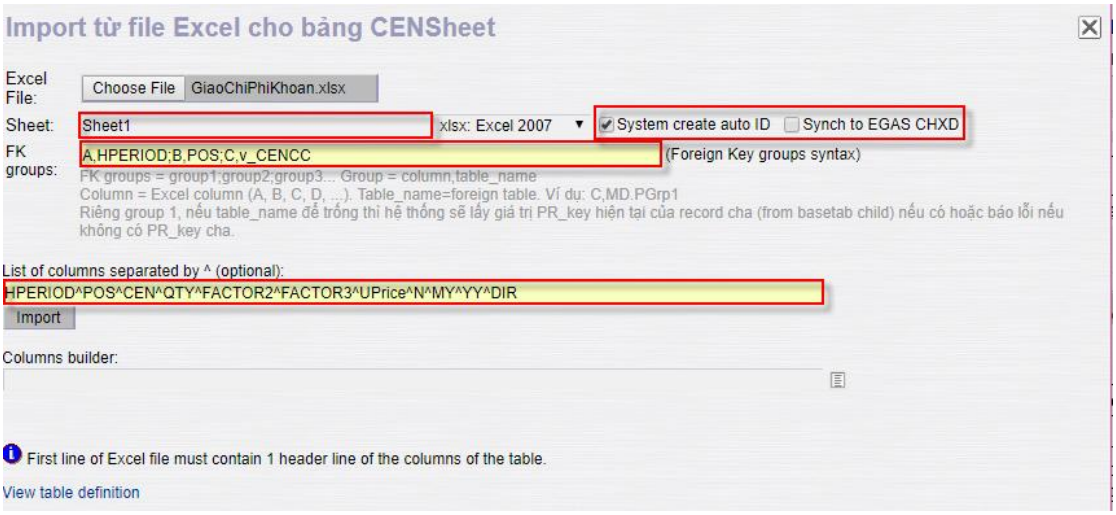
Bước 1: Kích chọn "Import" tại giao diện màn hình giao chi phí



Bước 2: Kích vào nút "Chọn tệp/ Chosse file" và chọn đến file Template



Bước 3: Nhập đầy đủ các thông tin cần Import



- **Sheet**: Tên của sheet của File template cần Import dữ liệu.
- **System create auto ID**: Luôn tích chọn
- **Synch to EGAS CHXD**: Luôn không tích chọn
- **FK groups**: A,HPERIOD;B,POS;C,v_CENCC
- **List of columns separated by ^ (optional):**

  HPERIOD^POS^CEN^QTY^FACTOR2^FACTOR3^UPrice^N^MY^YY^DIR

Bước 3: Kích chọn "Import" để thực hiện

5.2. CH kê khai chứng từ chi phí

Mục đích: Sử dụng để kê khai chứng từ, hóa đơn chi phí và theo dõi tình hình thanh quyết toán chi phí.

Thực hiện: User CH

Phạm vi: CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cửa hàng/Màn hình Quản trị chi phí

Điều kiện thực hiện:

- VPCTy đã giao chỉ tiêu chi phí và định mức cho Cửa hàng
- Trạng thái = Mở kỳ

Bước 1: Chọn kỳ Thanh toán bằng cách nhấn vào link Mã kỳ tương ứng



STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
Khu vực Kỳ thanh toán					
1	Mã	Mã kỳ thanh toán		Link	
2	Tên	Tên kỳ thanh toán		Label	
Khu vực Trạng thái					
1	Trạng thái	Theo dõi trạng thái của kỳ thanh toán	Mở kỳ	Hệ thống tự load	
2	Ngày đề nghị phê duyệt	Ngày đề nghị phê duyệt		Hệ thống tự load	
3	Ngày phê duyệt	Ngày phê duyệt		Hệ thống tự load	
4	Ngày đề nghị thanh toán	Ngày đề nghị thanh toán		Hệ thống tự load	
5	Ngày phê duyệt thanh toán	Ngày phê duyệt thanh toán		Hệ thống tự load	
Khu vực Link làm việc					
1	Đề nghị phê duyệt	Link để CH gửi Đề nghị phê duyệt			
2	Chứng từ thanh toán	Link để CH kê khai chứng từ thanh toán			
3	Đề nghị thanh toán	Link để CH gửi Đề nghị thanh toán			

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
Khu vực Kê khai chứng từ chi phí					
1	Chứng từ trong định mức	Khai báo các hóa đơn bán hàng, biên lai, biên nhận làm căn cứ chi phí. Các khoản chi phí này được hệ thống tự động xác định số phê duyệt (Người dùng không sửa lại được)			
2	Chứng từ chi phí bất thường	Khai báo các hóa đơn bán hàng làm căn cứ chi phí. Các khoản chi phí này cho phép VP phê duyệt giá trị nhỏ hơn hoặc bằng với hóa đơn kê khai			
3	Hóa đơn VAT	Khai báo các hóa đơn làm căn cứ chi phí.			
4	Biên lai, biên nhận	Khai báo các chứng từ(không có thuế) làm căn cứ chi phí.			
Khu vực màn hình chính – Tab Tổng hợp định mức khoán					
1	Chỉ tiêu chi phí	Chỉ tiêu mà CH được giao	KWh	Hệ thống tự load	
2	Kỳ QT	Kỳ Quyết toán	Tháng 07/2017	Hệ thống tự load	
3	ĐVT	Đơn vị tính	KWh	Hệ thống tự load	
4	SL (Số định mức)	Số lượng giao (Tháng/quý/ năm)	100	Hệ thống tự load	
5	HS (Số định mức)	Hệ số	0.8	Hệ thống tự load	
6	HS điều chỉnh(Số định mức)	Hệ số điều chỉnh	1.2	Hệ thống tự load	
7	Số đã thanh toán kỳ trước	Số đã thanh toán. Dùng cho các chỉ tiêu thanh toán nhiều kỳ		Hệ thống tự load	
8	Số kê khai kỳ này	Số kê khai kỳ này		Hệ thống tự load theo khai báo	

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
9	Số còn lại	Số còn lại = Số lượng giao x Hệ số x Hệ số điều chỉnh – Số đã thanh toán kỳ trước – Số đã kê khai	96	Hệ thống tự load	

Chú ý: Phần "Giá trị" trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

Bước 2: Thực hiện Kê khai các chứng từ chi phí. (Trạng thái = Mở kỳ)

Có các loại chứng từ:

- Chứng từ chi phí trong định mức: Kê khai các khoản chi phí phát sinh định kỳ theo các khoản mục khoán của VPCTy. Khi phê duyệt chi phí hệ thống tự động xác định số phê duyệt theo định mức khoán hoặc hóa đơn kê khai (phụ thuộc vào cấu hình chỉ tiêu chi phí, quỹ lương), không cho phép người dùng sửa lại số phê duyệt. Gồm các loại:
  - Hóa đơn: Các hóa đơn thanh toán cho chi phí tại CH
  - Biên lai, biên nhận: Các phiếu biên lai, biên nhận thanh toán cho CH
- Chứng từ chi phí bất thường: Kê khai các khoản chi phí bất thường phát sinh ngoài các khoản chi phí khoán (VD: chi phí sửa chữa cải tạo CH,..). Khi phê duyệt chi phí cho phép Văn phòng nhập số phê duyệt có giá trị thấp hơn hoặc bằng hóa đơn kê khai.
  - Hóa đơn: Các hóa đơn thanh toán cho chi phí tại CH
  - Biên lai, biên nhận – BK10

Cách kê khai:

- Cách cập nhật:
  - Các chỉ tiêu giao khoán theo tiền: Kê khai theo Số tiền trước thuế
  - Các chỉ tiêu giao khoán theo lượng: Kê khai cả Số lượng và Số tiền trước thuế.
- Ưu tiên:
  - Hóa đơn VAT (Thuế suất cao => thấp)
  - Biên lai, Biên nhận

Cập nhật thông tin diễn giải tại các chứng từ kê khai chi phí (bỏ diễn giải tại Tab "Hoá đơn VAT"):

- Cách cập nhật: Thực hiện một trong 2 cách
  - Nhập "Diễn giải" chi tiết theo từng chỉ tiêu: Nhập vào "diễn giải" từng chỉ tiêu
  - Nhập "Diễn giải" tổng (Diễn giải cho tất cả các chỉ tiêu): Nhập vào "Ghi chú" tại tab "Phần kê chi phí"

5.2.1 Hóa đơn VAT trong định mức:

❖ ***Kê khai hóa đơn VAT: (Tcode BK3)***

***B1*:** Nhấn chọn Hóa đơn



***B2*:** Nhập thông tin kê khai theo hóa đơn thực tế





STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
Tab Phần kê chi phí khoán					

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Ngày chứng từ	Ngày chứng từ	31/07/2017	Tự nhập	X
2	Kỳ thanh toán	Kỳ thanh toán	Tháng 07/2017	Hệ thống tự load	X
3	Chỉ tiêu chi phí	Chỉ tiêu chi phí	KWh điện	Chọn từ danh sách	X
4	Loại hình KD	Loại hình Kinh doanh. Hệ thống tự load LHKD được khai báo trong "chỉ tiêu chi phí" được chọn ở trên		Hệ thống tự load	
5	Hạng mục phí	Hạng mục chi phí. Hệ thống tự load Hạng mục chi phí được khai báo trong "chỉ tiêu chi phí" được chọn ở trên		Hệ thống tự load	X
6	Phương thức	Khoản chi phí phục vụ cho hình thức bán buôn/ bán lẻ	Bán lẻ	Tự nhập	X
7	Số lượng	Số lượng kê khai	50	Tự nhập theo hóa đơn	X
8	Số tiền	Số tiền kê khai	50 000	Tự nhập theo hóa đơn	X
Tab Hóa đơn GTGT					
1	Loại hóa đơn	Có các loại: VAT 10%, 5%, 0%, 3,5%, 7%, 8% và Không VAT, Trực tiếp	VAT 10%	Chọn từ danh sách	
2	Ngày hóa đơn	Ngày hóa đơn	05/08/2017	Tự nhập	
3	Ngày ký số	Ngày ký số		Tự nhập	x
4	Mẫu HD - Số seri	Mẫu hóa đơn - Số seri	01GTKT/001-AA/2017P	Tự nhập	
5	Số hóa đơn	Số hóa đơn	123	Tự nhập	

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
6	Công ty xuất hóa đơn	Công ty xuất hóa đơn	Công ty điện lực Long Biên	Tự nhập	
7	MST	MST	0123456789	Tự nhập	
8	Địa chỉ	Địa chỉ	Long Biên – Hà Nội	Tự nhập	
9	Diễn giải	Diễn giải		Tự nhập	
10	Tiền kê khai (trước thuế)	Tiền kê khai (trước thuế)	50 000	Hệ thống lấy từ bên tab Phần kê chi phí khoán	
11	Tiền thuế	Tiền thuế	5000	Tự nhập	
12	Tiền BVMT	Tiền bảo vệ môi trường	1000	Tự nhập	

Chú ý: Phần "Giá trị" trong bảng trên chỉ mang tính minh họa

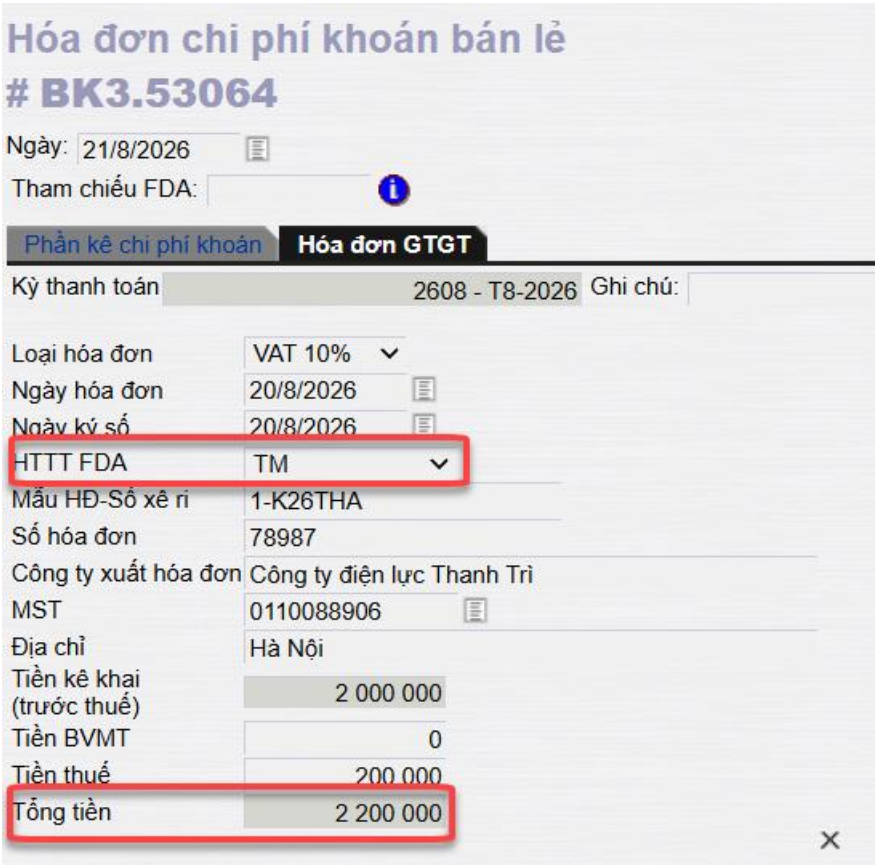
- Chỉ tiêu chi phí: Hiển thị danh sách các chỉ tiêu chi phí được gán cho CH và khai báo "Duyệt theo định mức = theo định mức" tại phần cấu hình Chỉ tiêu chi phí khoán..
- Loại hình kinh doanh, Hạng mục chi phí: Hệ thống tự động Load từ LHKD, Hạng mục chi phí được VPCty/CN khai báo tại "chỉ tiêu chi phí".
- Trường hợp LHKD, Hạng mục chi phí không được VPCty/CN khai báo trong "Chỉ tiêu chi phí":
    - Loại hình kinh doanh: Cho phép CH chọn từ danh mục hoặc để trống. Nếu CH để trống LHKD thì khi tích hợp lên SAP thì khoản này được coi là chi phí chung.
    - Hạng Mục phí: CH phải chọn từ danh mục Hạng mục phí, không cho phép bỏ trống Hạng mục phí.

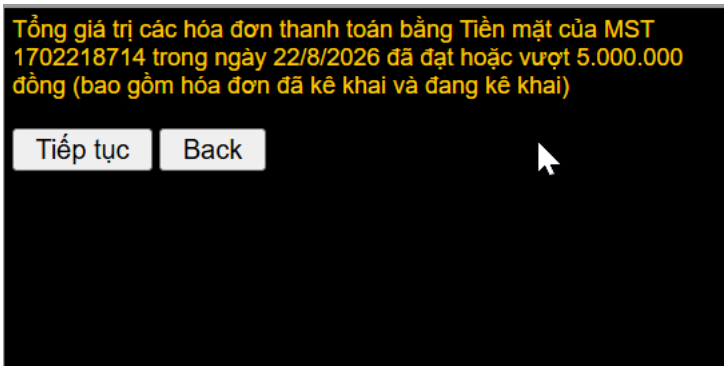
Lưu ý:

- *Ngày chứng từ phải nằm trong Kỳ thanh toán và phải lớn hơn ngày hóa đơn, ngày hóa đơn.*
- *Một chứng từ phải gắn ít nhất với 1 hoặc nhiều chỉ tiêu chi phí.*
- *Một chứng từ chỉ được thanh toán cho một kỳ chi phí. Phần mềm chặn không cho phép tạo hóa đơn nếu trùng các thông tin: MST công ty xuất hóa đơn + Mẫu HĐ + Seri HĐ + Số hóa đơn + Mức VAT.*
- *Mẫu hóa đơn, Số seri nhập đúng theo quy tắc: Mẫu HD - Số seri*
- *Loại VAT*

- *Trực tiếp: Hóa đơn bán hàng không chịu thế và không vào Bảng kê chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào khi tích hợp SAP*
- *VAT 10%, 5%, 0%, 7%, 3.5%, 8% và Không VAT: Hóa đơn GTGT dùng cho mặt hàng chịu thuế hoặc không chịu thuế. Các hóa đơn này đều lấy vào Bảng kê chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào khi tích hợp SAP*

- *Trường hợp chứng từ không được thanh toán cho kỳ này, muốn sử dụng thanh toán cho kỳ sau thì phải hủy chứng từ trên phần mềm và kê khai vào kỳ thanh toán sau.*
- *Nếu giá trị Ngày ký số trên hóa đơn trống hoặc không có giá trị, phần mềm lấy giá trị Ngày ký số = Ngày hóa đơn.*
- *Nếu các chứng từ BK3, BK9 có cùng các thông tin Cửa hàng, MST, Ngày hóa đơn, HTTT FDA = TM trên tab "Hóa đơn GTGT" mà có tổng giá trị "Tổng tiền" trên các hóa đơn đã và đang được kê khai >= Giá trị giới hạn (ví dụ: 5.000.000), khi lưu chứng từ phần mềm sẽ hiển thị thông báo:*





➔ *Người dùng có thể nhấn nút "Tiếp tục" để lưu chứng từ hoặc nhấn nút "Back" để sửa chứng từ.*

Giá trị giới hạn do Tập đoàn quản lý tại tham số "Max_Cash_Amount_Day".

Bổ sung:

- Tạo mới mức thuế suất 3.5% và 7%, 8% ở danh mục biểu thuế suất.
- Chặn lưu chứng từ khi nhập trùng "Mẫu HĐ-Số xê ri", "Số hóa đơn", "Loại hóa đơn" ở Tab "Hóa đơn giá trị gia tăng".
- Cho phép tạo nhiều chứng từ trùng "Mẫu HĐ-Số xê ri", "Số hóa đơn" nhưng khác "Loại hóa đơn" (thuế suất).

Màn hình cập nhật bổ sung mức VAT

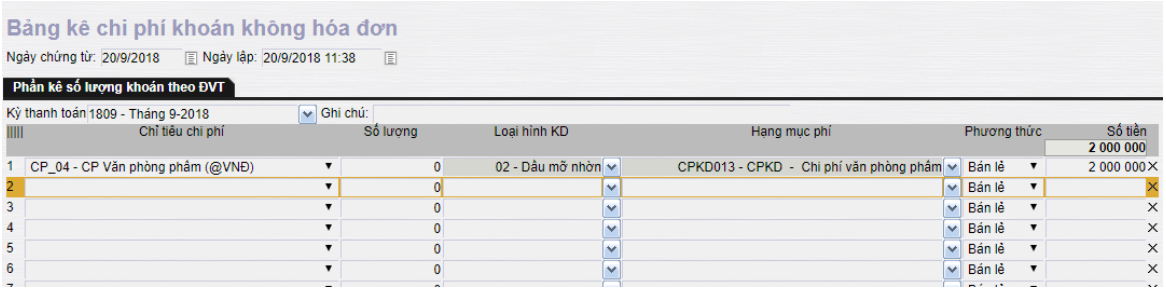


❖ ***Kê khai Biên lai, Biên nhận: (Tcode: BK5)***

B1: Nhấn chọn Biên lai, Biên nhận



B2: Nhập thông tin kê khai theo chứng từ thực tế



STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Ngày chứng từ	Ngày chứng từ	01/01/2018	Tự nhập	X
2	Ngày lập	Ngày biên lai, biên nhận	09/02/2018	Tự nhập	X
3	Kỳ thanh toán	Kỳ thanh toán	Tháng 01/2018	Hệ thống tự load	X
4	Chỉ tiêu chi phí	Chỉ tiêu chi phí	Chi phí hành chính	Chọn từ danh sách	X
5	Loại hình KD	Loại hình Kinh doanh. Hệ thống tự load LHKD được khai báo trong "chỉ tiêu chi phí" được chọn ở trên		Hệ thống tự load	
6	Hạng mục phí	Hạng mục chi phí. Hệ thống tự load Hạng mục phí được khai báo trong "chỉ tiêu chi phí" được chọn ở trên		Hệ thống tự load	X
7	Số lượng	Số lượng kê khai	0	Tự nhập theo chứng từ	X
8	Số tiền	Số tiền kê khai	500 000	Tự nhập theo chứng từ	X

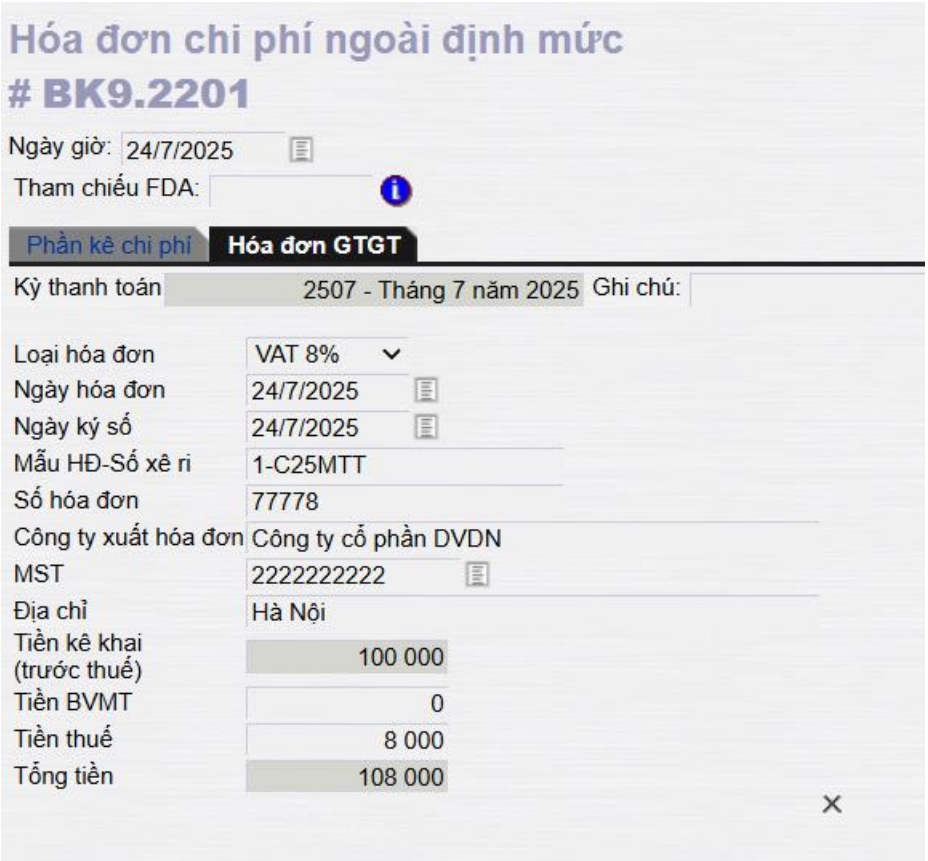
5.2.2 Chứng từ chi phí bất thường

❖ ***Kê khai hóa đơn VAT bất thường: (Tcode BK9)***

B1: Nhấn chọn Hóa đơn VAT



B2: Nhập thông tin kê khai theo hóa đơn thực tế: Tương tự Kê khai hóa đơn VAT trong định mức - Tcode BK3



- Chỉ tiêu chi phí: Hiển thị danh sách các chỉ tiêu chi phí được gán cho CH và khai báo "Duyệt theo định mức = không theo định mức" tại phần cấu hình Chỉ tiêu chi phí khoán.

Bổ sung:

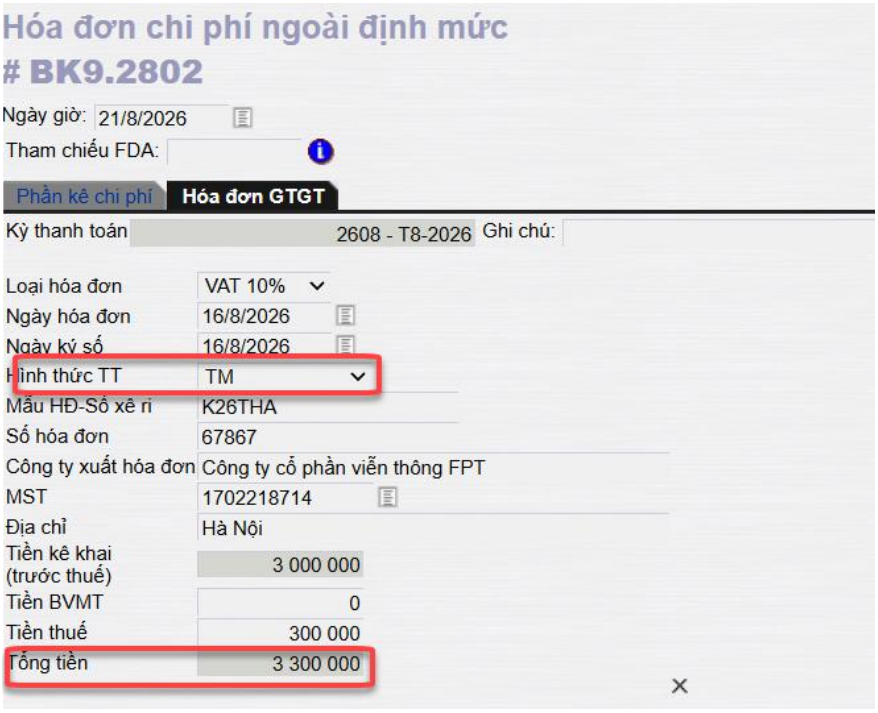
- Tạo mới mức thuế suất 3.5%, 7%, 8% ở danh mục biểu thuế suất.
- Chặn lưu chứng từ khi nhập trùng "Mẫu HĐ-Số xê ri", "Số hóa đơn", "Loại hóa đơn" ở Tab "Hóa đơn giá trị gia tăng".
- Cho phép tạo nhiều chứng từ trùng "Mẫu HĐ-Số xê ri", "Số hóa đơn" nhưng khác "Loại hóa đơn" (thuế suất).

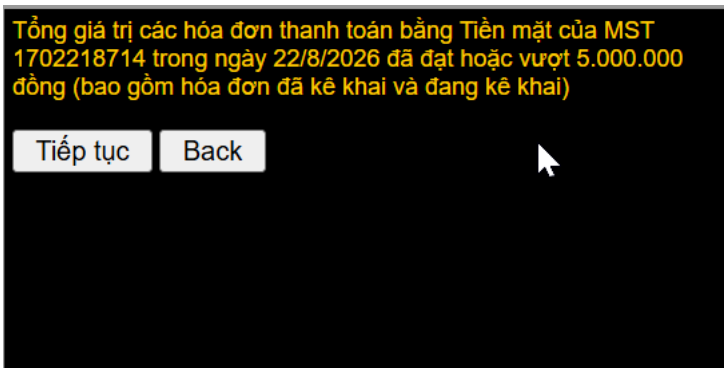
Màn hình cập nhật bổ sung mức VAT



Lưu ý:

- *Ngày chứng từ phải nằm trong Kỳ thanh toán và phải lớn hơn ngày hóa đơn, ngày hóa đơn.*
- *Một chứng từ phải gắn ít nhất với 1 hoặc nhiều chỉ tiêu chi phí.*
- *Một chứng từ chỉ được thanh toán cho một kỳ chi phí. Phần mềm chặn không cho phép tạo hóa đơn nếu trùng các thông tin: MST công ty xuất hóa đơn + Mẫu HĐ + Seri HĐ + Số hóa đơn + Mức VAT.*
- *Mẫu hóa đơn, Số seri nhập đúng theo quy tắc: Mẫu HD - Số seri*
- *Loại VAT*
    - *Trực tiếp: Hóa đơn bán hàng không chịu thế và không vào Bảng kê chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào khi tích hợp SAP*
    - *VAT 10%, 5%, 0%, 7%, 3.5%, 8% và Không VAT: Hóa đơn GTGT dùng cho mặt hàng chịu thuế hoặc không chịu thuế. Các hóa đơn này đều lấy vào Bảng kê chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào khi tích hợp SAP*
- *Trường hợp chứng từ không được thanh toán cho kỳ này, muốn sử dụng thanh toán cho kỳ sau thì phải hủy chứng từ trên phần mềm và kê khai vào kỳ thanh toán sau.*
- *Nếu giá trị Ngày ký số trên hóa đơn trống hoặc không có giá trị, phần mềm lấy giá trị Ngày ký số = Ngày hóa đơn.*
- *Nếu các chứng từ BK3, BK9 có cùng các thông tin Cửa hàng, MST, Ngày hóa đơn, HTTT FDA = TM trên tab "Hóa đơn GTGT" mà có tổng giá trị "Tổng tiền" trên các hóa đơn đã và đang được kê khai >= Giá trị giới hạn (ví dụ: 5.000.000), khi lưu chứng từ phần mềm sẽ hiển thị thông báo:*





➔ *Người dùng có thể nhấn nút "Tiếp tục" để lưu chứng từ hoặc nhấn nút "Back" để sửa chứng từ.*

Giá trị giới hạn do Tập đoàn quản lý tại tham số "Max_Cash_Amount_Day".

❖ ***Biên lai, biên nhận (Tcode:BK10)***

B1: Nhấn chọn Biên lai, biên nhận



B2: Nhập thông tin thực tế



STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Ngày chứng từ	Ngày chứng từ	01/01/2018	Tự nhập	X
2	Ngày lập	Ngày biên lai, biên nhận	09/02/2018	Tự nhập	X
3	Kỳ thanh toán	Kỳ thanh toán	Tháng 01/2018	Hệ thống tự load	X
4	Chỉ tiêu chi phí	Chỉ tiêu chi phí	Chi phí hành chính	Chọn từ danh sách	X
5	Loại hình KD	Loại hình Kinh doanh. Hệ thống tự load LHKD được khai báo trong "chỉ tiêu chi phí" được chọn ở trên		Hệ thống tự load	
6	Hạng mục phí	Hạng mục chi phí. Hệ thống tự load Hạng mục phí được khai báo trong "chỉ tiêu chi phí" được chọn ở trên		Hệ thống tự load	X
7	Số lượng	Số lượng kê khai	0	Tự nhập theo chứng từ	X
8	Số tiền	Số tiền kê khai		Tự nhập theo chứng từ	X
9	Phương thức	Phương thức bán hàng		Lựa chọn	X

5.3. CH gửi Đề nghị phê duyệt chi phí

Mục đích: CH gửi "Đề nghị Phê duyệt" chi phí lên VP

Thực hiện: User CH

Phạm vi: CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cửa hàng/Màn hình Quản trị chi phí

Điều kiện thực hiện:

- CH đã khai báo và kiểm tra các chứng từ đã kê khai đảm bảo chính xác.
- Trạng thái = Mở kỳ

Bước 1: Nhấn link "Đề nghị phê duyệt"



#	Chỉ tiêu chi phí	Kỳ QT	ĐVT	Số định mức			Số đã thanh toán kỳ trước	Số kê khai kỳ này	Số còn lại
				SL	H/s	H/s đ.chỉnh			
1	C721042 - CPKD - Bảo hiểm khác	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VNĐ		1,00	1,00			
2	CP72101 - CPKD - CP bồi dưỡng độc hại	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VNĐ		1,00	1,00			
3	CPGAS01 - CPKD - CP bồi dưỡng độc hại	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VNĐ		1,00	1,00			
4	CPGAS02 - CPKD - Chi phí dầu/ nhớt thay máy xe gas	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VNĐ		1,00	1,00			
5	CPGAS04 - CPKD - CCDC - Bàn và ghế	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VNĐ		1,00	1,00			
6	CPGAS05 - CPKD - CCDC - Thiết bị tin học viễn thông	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VNĐ		1,00	1,00			
7	CPGAS06 - CPKD - CCDC - Dụng cụ phòng cháy chữa cháy	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VNĐ		1,00	1,00			
8	CPGAS09 - CPKD - CCDC - Khác	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VNĐ		1,00	1,00			
9	CPGAS10 - CPKD - Thuê ngoài sửa chữa nhà cửa vật kiến trúc	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VNĐ		1,00	1,00			
10	CPGAS11 - CPKD - Thuê ngoài sửa chữa máy móc thiết bị	Kỳ quyết toán 07 năm 2025	VNĐ		1,00	1,00			

Bước 2: Nhấn button "Gửi đề nghị phê duyệt"

Các chứng từ kê khai chi phí sẽ không sửa được. Muốn sửa cần "Hủy đề nghị phê duyệt"



#	Chỉ tiêu chi phí	Kỳ QT	ĐVT	Số định mức			Đã thanh toán	Kê khai kỳ này	Số còn lại
				SL	H/s	HS đ.chỉnh			
1	01_KV1 Điện SL - CP tiền điện	Tháng 01 2018	Kwh	2,944	1.00	1.00		3,276	(332)
2	01_KV2 Điện - CP Điện chiếu sáng	Tháng 01 2018	Kwh		1.00	1.00			
3	01_NA - CP Điện chiếu sáng	Tháng 01 2018	VNĐ		1.00	1.00			
4	01_NA_DMN - CP Điện chiếu sáng	Tháng 01 2018	VNĐ		1.00	1.00			
5	01_NA_GAS - CP Điện chiếu sáng	Tháng 01 2018	VNĐ		1.00	1.00			
6	01_NA_SON - CP Điện chiếu sáng	Tháng 01 2018	VNĐ		1.00	1.00			
7	02_1 - CP Nước cn	Tháng 01 2018	M3		1.00	1.00			
8	02_KV1 Nước SL - CP tiền nước	Tháng 01 2018	M3	46	1.00	1.00		48	(2)
9	02_KV2 Nước - CP Nước sinh hoạt	Tháng 01 2018	M3		1.00	1.00			
10	02_NA - CP Điện thoại	Tháng 01 2018	VNĐ		1.00	1.00			
11	02_NA_DMN - CP Điện thoại	Tháng 01 2018	VNĐ		1.00	1.00			
12	02_NA_GAS - CP Điện thoại	Tháng 01 2018	VNĐ		1.00	1.00			

Sau khi gửi, màn hình có trạng thái như hình:



#	Chỉ tiêu chi phí	Kỳ QT	ĐVT	Số định mức			Số đã thanh toán kỳ trước	Số kê khai kỳ này	Số còn lại
				SL	H/s	H/s d.chỉnh			
1	CP01.XDS - Bồi dưỡng độc hại, thuốc y tế_XDS	Tháng 07 năm 2025	VNĐ	60.000	1,00	1,00		10.000	50.000
2	CP02.XDS - Bảo hộ lao động_XDS	Tháng 07 năm 2025	VNĐ	304.000	1,00	1,00			304.000
3	CP03.XDS - Tiền điện_XDS	Tháng 07 năm 2025	VNĐ	4.359.216	1,00	1,00			4.359.216

Các chứng từ kê khai chi phí sẽ không sửa được. Muốn sửa cần "Hủy đề nghị phê duyệt"

5.4. Phê duyệt chi phí cho Cửa hàng

a. Phê duyệt chi phí theo định mức

Mục đích: VP/CH phê duyệt chứng từ chi phí theo định mức cho các CH

Thực hiện: User VP/CH (Cấu hình phân quyền)

Phạm vi: CompanyCode/CH

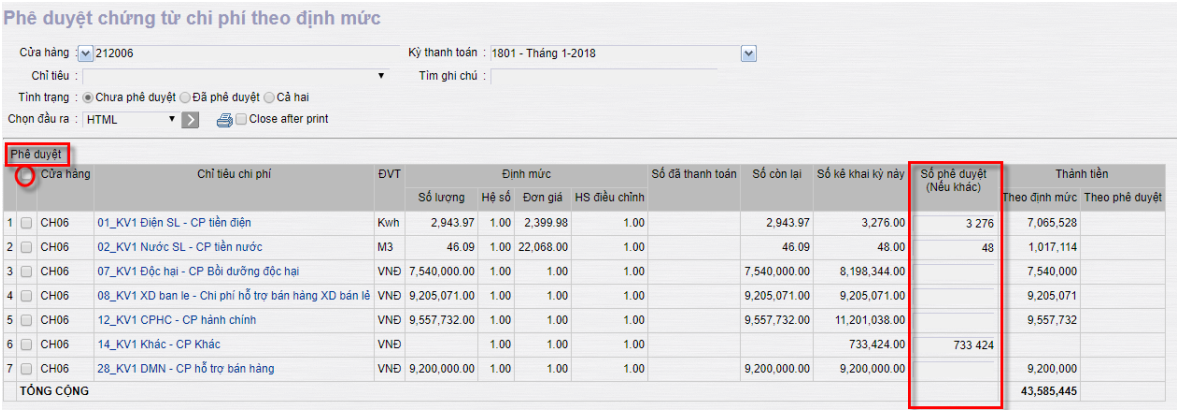
Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cửa hàng/ Phê duyệt chứng từ theo định mức

Điều kiện thực hiện: CH đã gửi "Đề nghị phê duyệt chi phí" lên VP

Thao tác:

- Chọn CH, Kỳ thanh toán.
- Tích chọn các chỉ tiêu muốn phê duyệt và nhấn button "Phê duyệt".

Có thể "Hủy phê duyệt" đối với những chỉ tiêu đã phê duyệt nếu CH chưa gửi "Đề nghị thanh toán"



		Cửa hàng	Chỉ tiêu chi phí	ĐVT	Định mức				Số đã thanh toán	Số còn lại	Số kê khai kỳ này	Số phê duyệt (Nếu khác)	Thành tiền	
					Số lượng	Hệ số	Đơn giá	HS điều chỉnh					Theo định mức	Theo phê duyệt
1		CH06	01_KV1 Điện SL - CP tiền điện	Kwh	2,943.97	1.00	2,399.98	1.00		2,943.97	3,276.00	3 276	7,065,528	
2		CH06	02_KV1 Nước SL - CP tiền nước	M3	46.09	1.00	22,068.00	1.00		46.09	48.00	48	1,017,114	
3		CH06	07_KV1 Độc hại - CP Bồi dưỡng độc hại	VNĐ	7,540,000.00	1.00	1.00	1.00		7,540,000.00	8,198,344.00		7,540,000	
4		CH06	08_KV1 XD ban le - Chi phí hỗ trợ bán hàng XD bán lẻ	VNĐ	9,205,071.00	1.00	1.00	1.00		9,205,071.00	9,205,071.00		9,205,071	
5		CH06	12_KV1 CPHC - CP hành chính	VNĐ	9,557,732.00	1.00	1.00	1.00		9,557,732.00	11,201,038.00		9,557,732	
6		CH06	14_KV1 Khác - CP Khác	VNĐ		1.00	1.00	1.00			733,424.00	733 424		
7		CH06	28_KV1 DMN - CP hỗ trợ bán hàng	VNĐ	9,200,000.00	1.00	1.00	1.00		9,200,000.00	9,200,000.00		9,200,000	
		TỔNG CỘNG											43,585,445	

Quy tắc phê duyệt:

Quy tắc 1: Phê duyệt từng chỉ tiêu:

- Phần mềm cho phép phê duyệt một hoặc nhiều chỉ tiêu cùng một lúc. Phê duyệt chỉ tiêu nào thì chứng từ kê khai tương ứng chỉ tiêu đó không sửa được.
- Màn hình chi phí tại CH chuyển trạng thái "Đã phê duyệt chi phí" khi tất cả các chỉ tiêu trong định mức được phê duyệt.

Quy tắc 2: Hệ thống tự động xác định Số phê duyệt theo nguyên tắc:

- CEN_REF = ALL_INV: Mặc định số phê duyệt = Số kê khai
- CEN_REF <>ALL_INV: Số phê duyệt = Min (Số kê khai, Định mức)

Quy tắc 3: Nếu có nhiều chứng từ liên quan thì tự động xác định chứng từ dùng để thanh toán theo thứ tự ưu tiên:

+ Hóa đơn VAT (ưu tiên mức thuế suất cao → thấp)

+ Biên lai/ Giấy biên nhận

b. Phê duyệt chi phí bất thường

Mục đích: VP phê duyệt chứng từ chi phí bất thường cho các CH

Thực hiện: User VP

Phạm vi: CompanyCode/CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cửa hàng/ Phê duyệt chứng từ chi phí bất thường

Điều kiện thực hiện: CH đã gửi "Đề nghị phê duyệt chi phí" lên VP

Thao tác:

- Chọn CH, Kỳ thanh toán.
- Nhập số phê duyệt (Nếu không nhập hệ thống mặc định số phê duyệt = Số kê khai)
- Tích chọn các chỉ tiêu muốn phê duyệt và nhấn button "Phê duyệt".



Lưu ý:

- Chức năng phê duyệt chi phí bất thường: Phân quyền cho VPCTy thực hiện. Cho phép người dùng sửa lại giá trị phê duyệt nhưng tối đa bằng giá trị chứng từ kê khai.
- Nếu trong Kỳ thanh toán không phát sinh dữ liệu chi phí trong định mức (BK3 hoặc BK5), sau khi phê duyệt chứng từ chi phí bất thường, phần mềm sẽ chuyển Trạng thái kỳ thanh toán = Đã phê duyệt.
- Nếu trong Kỳ thanh toán có phát sinh dữ liệu chi phí trong định mức (BK3 hoặc BK5), phần mềm chỉ chuyển trạng thái Kỳ thanh toán = Đã phê duyệt sau khi phê duyệt chứng từ theo định mức.

6. TÍCH HỢP SAP

6.1. Nguyên tắc map giữa EGAS và SAP

- Dữ liệu tích hợp bao gồm: Các chứng từ chi phí được duyệt (Hóa đơn, Biên lai, Biên nhận.

- Tích hợp chi tiết theo Số HĐ/Ngày HĐ/Thông tin Tên và MST người bán/Nội dung CP/KPM...
- Ngày hạch toán chứng từ là ngày chứng từ của chứng từ chi phí BK3, BK5, BK9, BK10.
- Điều kiện có thể kết xuất dữ liệu chi phí là trạng thái kỳ thanh toán = Đã phê duyệt.

6.2. Khai báo bảng Map tích hợp

a. Map Khoản mục phí

Mục đích: Map Khoản mục phí với Tài khoản chi phí

Thực hiện: Administrator

Phạm vi: MD toàn hệ thống

Đường dẫn: Tích hợp/Master Data Global/ Map Khoản mục phí



	[Sys Key]	KMP	Tài khoản phí	
1	1	6411153000 - CPKD - CP bảo hộ lao động	6411153000	
2	2	6411154000 - CPKD - CP bồi dưỡng độc hại	6411154000	
3	3	6412061000 - CPKD - Chi phí nguyên vật liệu	6412061000	
4	4	6412062000 - CPKD - Chi phí nhiên liệu	6412062000	
5	5	6412063000 - CPKD - Chi phí xăm lốp, bình điện	6412063000	
6	6	6412068000 - CPKD - Chi phí nguyên vật liệu khác	6412068000	
7	7	6413031010 - CPKD - CCDC - Bàn và ghế	6413031010	
8	8	6413031020 - CPKD - CCDC - Thiết bị tin học viễn thông	6413031020	
9	9	6413031030 - CPKD - CCDC - Dụng cụ phòng cháy chữa cháy	6413031030	
10	10	6413031040 - CPKD - CCDC - Dụng cụ hóa nghiệm, đo lường	6413031040	
11	11	6413031080 - CPKD - CCDC - Khác	6413031080	
12	12	6413031090 - CPKD - CCDC - Bao bì	6413031090	

b. Khai báo CostCenter:

Đơn vị khai báo CostCenter theo một trong hai cách sau:

- ***C1***- Khai báo CostCenter tại Hạng mục chi phí: Dùng trong trường hợp mỗi khoản mục phí tương ứng với một CostCenter
- ***C2***- Khai báo CostCenter tại Map mã CHXD: Dùng trong trường hợp mỗi CHXD tương ứng một CostCenter

Khi tích hợp, phần mềm ưu tiên CostCenter được khai báo tại Hạng mục chi phí (C1). Nếu CostCenter tại danh mục này bỏ trống thì sẽ lấy trên bảng Map mã CHXD (C2).

❖ ***Khai báo CostCenter tại Hạng mục phí***

Mục đích: Khai báo thông số CostCenter để map Hạng mục chi phí với CostCenter tương ứng của SAP

Thực hiện: Key User

Phạm vi: MD mức Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Hạng mục chi phí khoán



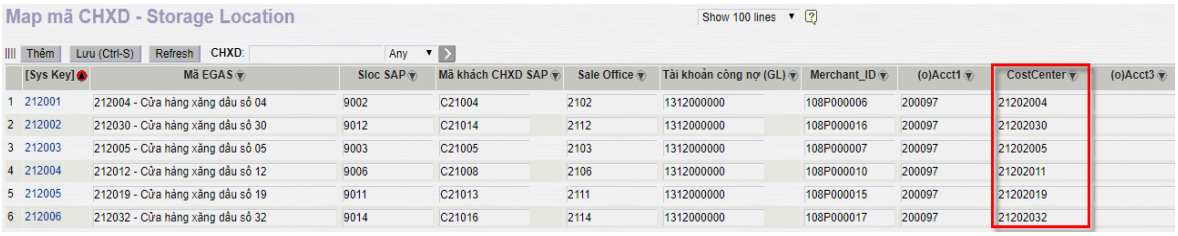
❖ ***Khai báo CostCenter tại Map mã CHXD***

Mục đích: Khai báo thông số CostCenter để map CH với CostCenter tương ứng của SAP

Thực hiện: Key User

Phạm vi: MD mức Company Code

Đường dẫn: Tích hợp/ Master Data Company/ Map mã CHXD - Storage Location



6.3. Kết xuất dữ liệu ra hệ thống trung gian

a. Khai báo Order chứng từ tích hợp

Mục đích: Khai báo danh mục Order chứng từ tích hợp. Danh mục này lấy dữ liệu từ SAP, chỉ áp dụng cho một số đơn vị.

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ Order chứng từ tích hợp



b. Tích hợp

Mục đích: VP kết xuất dữ liệu ra hệ thống trung gian

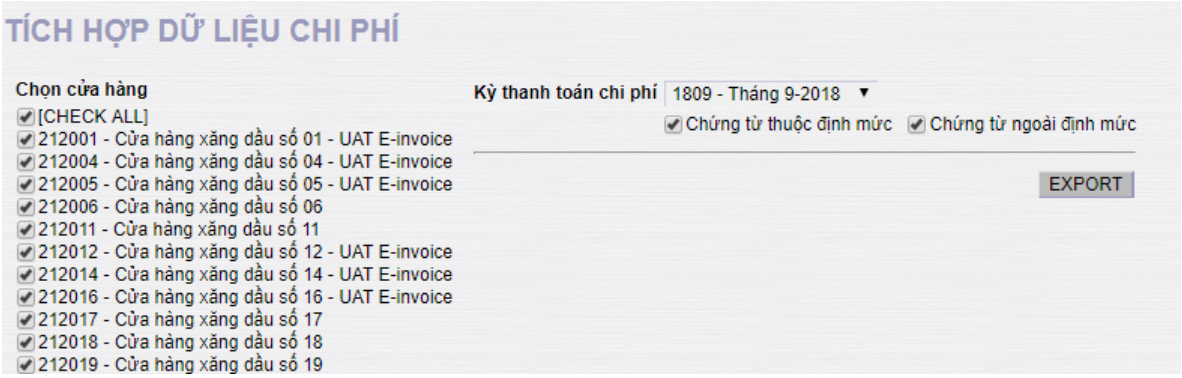
Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: MD Company Code

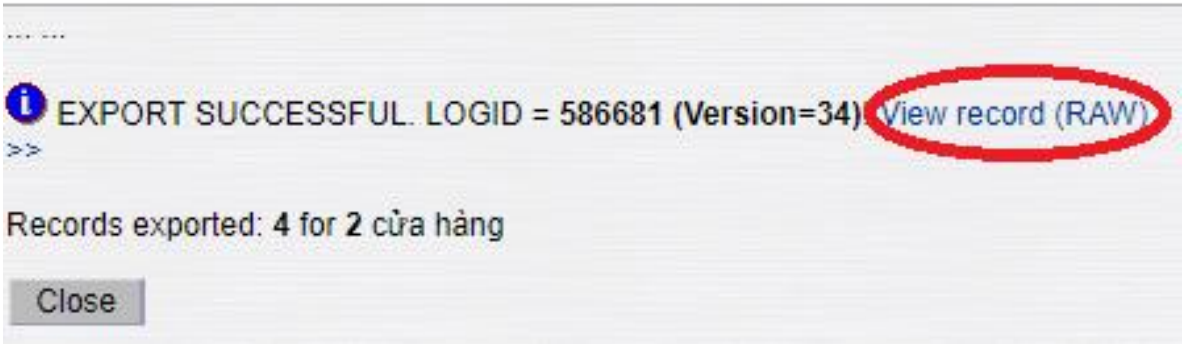
Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ Tích hợp

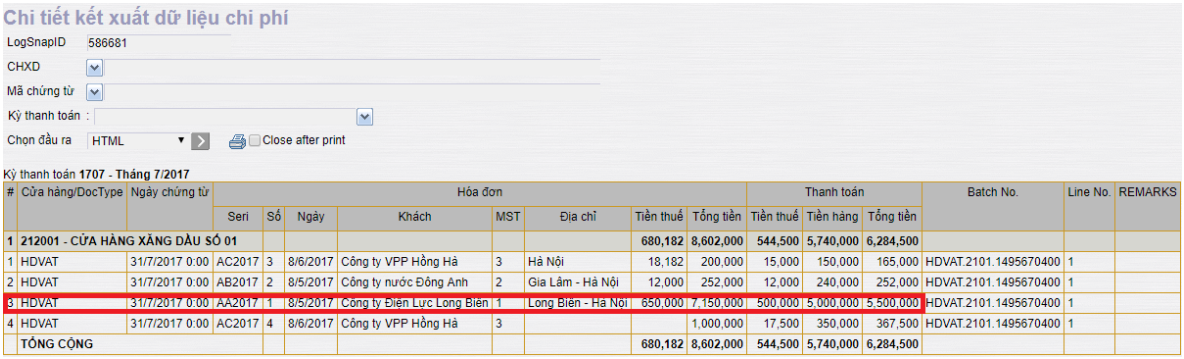
Bước 1:

- Check chọn CH, Kỳ thanh toán. CHECK ALL chọn tất cả các CH
- Nhấn button EXPORT để đưa dữ liệu ra hệ thống trung gian



Bước 2: - Nhấn link "View record (RAW)>>" để xem dữ liệu





#	Cửa hàng/DocType	Ngày chứng từ	Hóa đơn								Thanh toán			Batch No.	Line No.	REMARKS
			Seri	Số	Ngày	Khách	MST	Địa chỉ	Tiền thuế	Tổng tiền	Tiền thuế	Tiền hàng	Tổng tiền			
1	212001 - CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 01								680,182	8,602,000	544,500	5,740,000	6,284,500			
1	HDVAT	31/7/2017 0:00	AC2017	3	8/6/2017	Công ty VPP Hồng Hà	3	Hà Nội	18,182	200,000	15,000	150,000	165,000	HDVAT.2101.1495670400	1	
2	HDVAT	31/7/2017 0:00	AB2017	2	8/5/2017	Công ty nước Đông Anh	2	Gia Lâm - Hà Nội	12,000	252,000	12,000	240,000	252,000	HDVAT.2101.1495670400	1	
3	HDVAT	31/7/2017 0:00	AA2017	1	8/5/2017	Công ty Điện Lực Long Biên	1	Long Biên - Hà Nội	650,000	7,150,000	500,000	5,000,000	5,500,000	HDVAT.2101.1495670400	1	
4	HDVAT	31/7/2017 0:00	AC2017	4	8/6/2017	Công ty VPP Hồng Hà	3			1,000,000	17,500	350,000	367,500	HDVAT.2101.1495670400	1	
	TỔNG CỘNG								680,182	8,602,000	544,500	5,740,000	6,284,500			

Lưu ý :Thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy "diễn giải" chi tiết từng chỉ tiêu. Nếu không cập nhật chi tiết thì lấy diễn giải tổng cập nhật ở "Ghi chú".

c. Cập nhật Order – Chi phí chi tiền

Mục đích: Cập nhật Order vào dữ liệu kết xuất từ CH có chi tiền từ "Quỹ công ty". Chỉ dùng cho một số đơn vị.

Điều kiện thực hiện:

- Đã khai báo danh mục Order Chứng từ tích hợp
- Dữ liệu kết xuất có tài khoản phí 627*

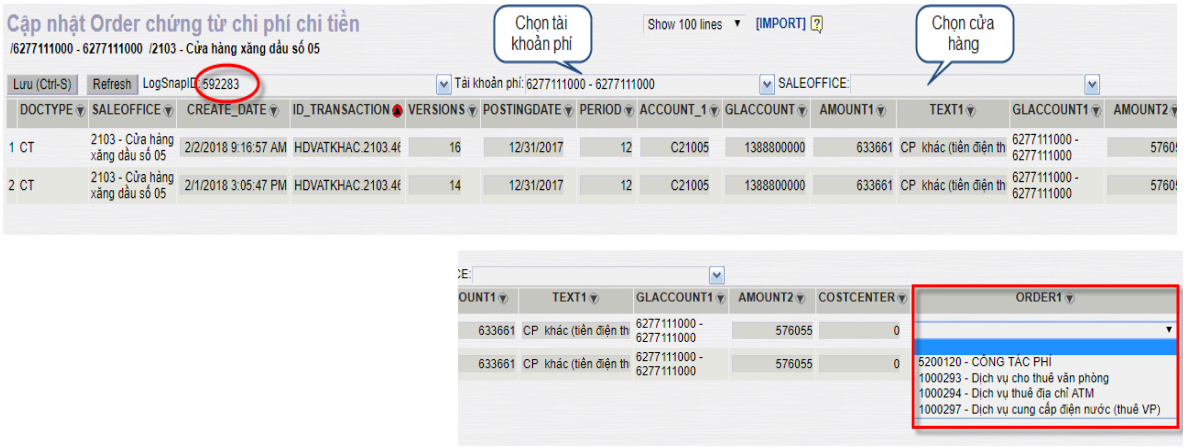
Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ Cập nhật Order – Chi phí chi tiền

<u>Thao tác</u>:

- Chọn LogSnapID/ Tài khoản phí / SaleOffice
- Cập nhật trường Oder1 và nhấn "Lưu (Ctrl+S)"



d. Cập nhật Order – Chi phí luân chuyển công nợ

Mục đích: Cập nhật Order vào dữ liệu kết xuất từ CH có "Bù trừ công nợ". Chỉ dùng cho một số đơn vị.

Điều kiện thực hiện:

- Đã khai báo danh mục Order Chứng từ tích hợp
- Dữ liệu kết xuất có tài khoản phí 627*

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ Cập nhật Order – Chi phí chi tiền

<u>Thao tác</u>: Tương tự Cập nhật Order- Chi phí chi tiền.



6.4. View dữ liệu kết xuất

Thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy "diễn giải" chi tiết từng chỉ tiêu. Nếu không cập nhật chi tiết thì lấy diễn giải tổng cập nhật ở "Ghi chú".

a. View dữ liệu chi phí luân chuyển công nợ

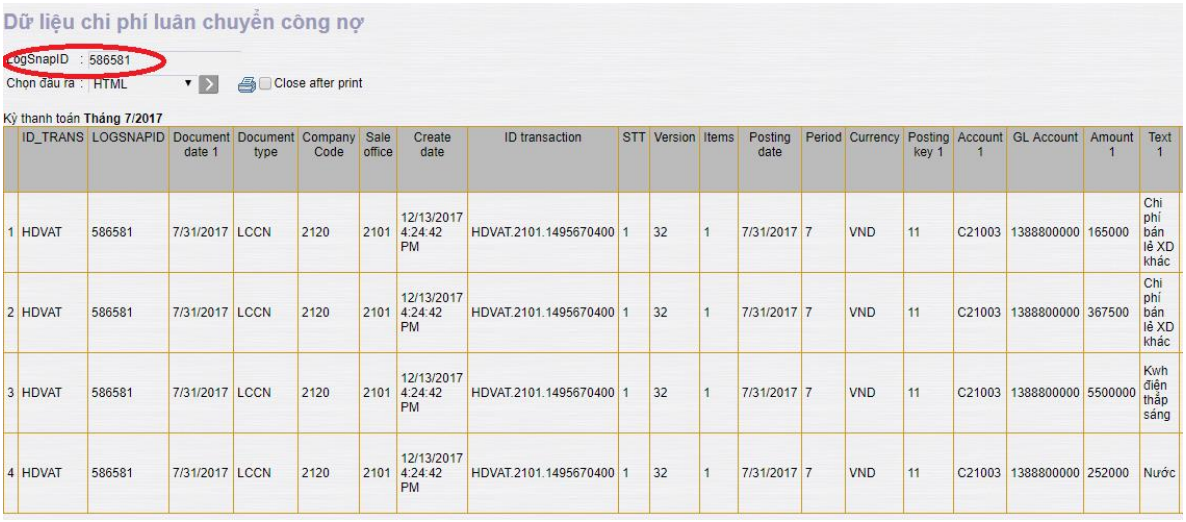
Mục đích: VP View dữ liệu của các CH có "Bù trừ công nợ" để xem dữ liệu đã kết xuất ra hệ thống trung gian, phục vụ đối chiếu số liệu trước tích hợp SAP

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ View dữ liệu -Chi phí luân chuyển công nợ

Thao tác: - Nhập LogSnapID để xem dữ liệu tương ứng



Dữ liệu chi phí luân chuyển công nợ

LogSnapID : 586581

Chọn đầu ra : HTML Close after print

Kỳ thanh toán **Tháng 7/2017**

	ID_TRANS	LOGSNAPID	Document date 1	Document type	Company Code	Sale office	Create date	ID transaction	STT	Version	Items	Posting date	Period	Currency	Posting key 1	Account 1	GL Account	Amount 1	Text 1
1	HDVAT	586581	7/31/2017	LCCN	2120	2101	12/13/2017 4:24:42 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	32	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	165000	Chi phí bán lẻ XD khác
2	HDVAT	586581	7/31/2017	LCCN	2120	2101	12/13/2017 4:24:42 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	32	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	367500	Chi phí bán lẻ XD khác
3	HDVAT	586581	7/31/2017	LCCN	2120	2101	12/13/2017 4:24:42 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	32	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	5500000	Kwh điện thắp sáng
4	HDVAT	586581	7/31/2017	LCCN	2120	2101	12/13/2017 4:24:42 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	32	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	252000	Nước

b. View dữ liệu chi phí chi tiền

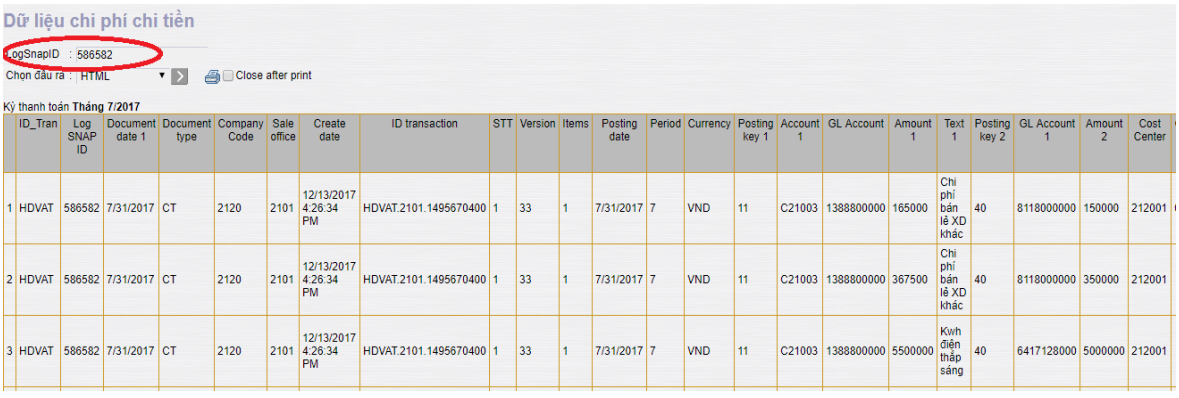
Mục đích: VP View dữ liệu của các CH chi tiền từ "Quỹ công ty" để xem dữ liệu đã kết xuất ra hệ thống trung gian, phục vụ đối chiếu số liệu trước tích hợp SAP

Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ View dữ liệu - Chi phí chi tiền

Thao tác: - Nhập LogSnapID để xem dữ liệu tương ứng



Dữ liệu chi phí chi tiền

LogSnapID : 586582

Chọn đầu ra : HTML Close after print

Kỳ thanh toán **Tháng 7/2017**

	ID_Tran	Log SNAP ID	Document date 1	Document type	Company Code	Sale office	Create date	ID transaction	STT	Version	Items	Posting date	Period	Currency	Posting key 1	Account 1	GL Account	Amount 1	Text 1	Posting key 2	GL Account 1	Amount 2	Cost Center
1	HDVAT	586582	7/31/2017	CT	2120	2101	12/13/2017 4:26:34 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	33	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	165000	Chi phí bán lẻ XD khác	40	8118000000	150000	212001
2	HDVAT	586582	7/31/2017	CT	2120	2101	12/13/2017 4:26:34 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	33	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	367500	Chi phí bán lẻ XD khác	40	8118000000	350000	212001
3	HDVAT	586582	7/31/2017	CT	2120	2101	12/13/2017 4:26:34 PM	HDVAT.2101.1495670400	1	33	1	7/31/2017	7	VND	11	C21003	1388800000	5500000	Kwh điện thắp sáng	40	6417128000	5000000	212001

c. View log kết xuất dữ liệu

Mục đích: VP View log dữ liệu kết xuất của các CH

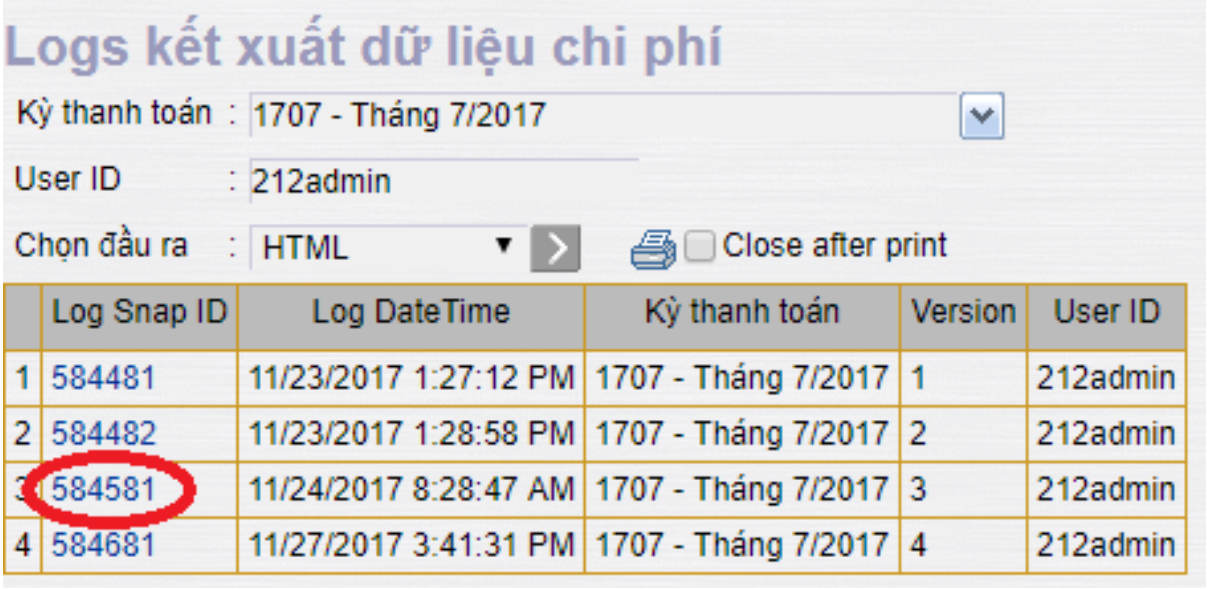
Thực hiện: KeyUser

Phạm vi: Company Code

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ View Log kết xuất dữ liệu

Thao tác:

- Chọn Kỳ thanh toán, nhập User ID. Chạy báo cáo
- Nhấn link tương ứng tại cột Log Snap ID để xem dữ liệu tương ứng



Logs kết xuất dữ liệu chi phí

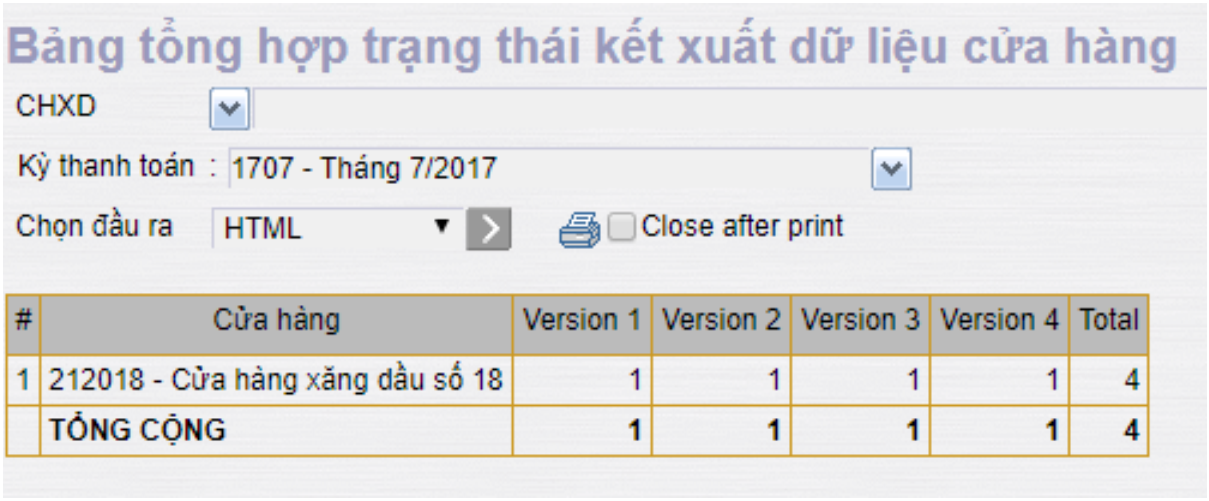
Kỳ thanh toán : 1707 - Tháng 7/2017

User ID : 212admin

Chọn đầu ra : HTML Close after print

	Log Snap ID	Log DateTime	Kỳ thanh toán	Version	User ID
1	584481	11/23/2017 1:27:12 PM	1707 - Tháng 7/2017	1	212admin
2	584482	11/23/2017 1:28:58 PM	1707 - Tháng 7/2017	2	212admin
3	584581	11/24/2017 8:28:47 AM	1707 - Tháng 7/2017	3	212admin
4	584681	11/27/2017 3:41:31 PM	1707 - Tháng 7/2017	4	212admin

Có thể xem thêm báo cáo Chi phí- tiền lương /Cửa hàng/ Bảng tổng hợp trạng thái kết xuất dữ liệu



Bảng tổng hợp trạng thái kết xuất dữ liệu cửa hàng

CHXD

Kỳ thanh toán : 1707 - Tháng 7/2017

Chọn đầu ra HTML Close after print

#	Cửa hàng	Version 1	Version 2	Version 3	Version 4	Total
1	212018 - Cửa hàng xăng dầu số 18	1	1	1	1	4
	TỔNG CỘNG	**1**	**1**	**1**	**1**	**4**

7. KHAI THÁC BÁO CÁO

Các báo cáo có bổ sung Biên lai, biên nhận - Chứng từ chi phí bất thường (BK10):

- Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH
- Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH – KMP
- Bảng đề nghị thanh toán
- Bảng đề nghị thanh toán NA
- Bảng đề nghị thanh toán-Tổng chỉ tiêu
- Bảng kê chứng từ thanh toán
- Bảng kê chứng từ thanh toán-VP
- Tổng hợp tình hình định mức chi phí
- Bảng kê chi phí khoán đã quyết toán

- Bảng kê tổng hợp khoán đã quyết toán
- Bảng kê tổng hợp chi phí

7.1. Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt



Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV

Cửa hàng : 212001,212036

Kỳ thanh toán : 1801 - Tháng 01 2018

Tình trạng : Đã phê duyệt hết / Chưa phê duyệt hết / Cả hai

Chọn đầu ra : HTML — Close after print

BẢNG TỔNG HỢP TRẠNG THÁI ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT THEO CỬA HÀNG

Kỳ thanh toán: 1801 - Tháng 01 2018

STT	Cửa hàng	Trạng thái				Chỉ tiêu	
		Đề nghị phê duyệt	Phê duyệt	Đề nghị thanh toán	Duyệt chi	Tổng số	Số phê duyệt
1	Cửa hàng xăng dầu số 01	19/3/2018 10:38	5/4/2018 17:00			3	3
2	Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)	9/5/2018 14:44	9/5/2018 16:51	9/5/2018 17:02	9/5/2018 17:03	5	5

Ngày giờ in: 10/5/2018 09:25

LẬP BIỂU — PHÊ DUYỆT

Khi kích chọn vào Link CHXD hệ thống tự động link đến báo cáo: Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH-KMP

7.2. Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH-KMP

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng tổng hợp trạng thái phê duyệt theo CH-KMP



Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV

Cửa hàng : 212036

Kỳ thanh toán : 1801 - Tháng 01 2018

Chỉ tiêu :

Tình trạng : Đã phê duyệt / Chưa phê duyệt / Cả hai

Chọn đầu ra : HTML — Close after print

BẢNG TỔNG HỢP TRẠNG THÁI PHÊ DUYỆT THEO CỬA HÀNG-KMP

Kỳ thanh toán: 1801 - Tháng 01 2018

STT	Chỉ tiêu chi phí	Trạng thái				Số lượng	
		Đề nghị phê duyệt	Phê duyệt	Đề nghị thanh toán	Duyệt chi	Phê duyệt	Chỉ tiêu
1	**CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 36(LIENNTB)**					**5**	**5**
1	CP Nước	9/5/2018 14:44	9/5/2018 16:16	9/5/2018 17:02	9/5/2018 17:03	1	1
2	CP Điện chiếu sáng	9/5/2018 14:44	9/5/2018 16:42	9/5/2018 17:02	9/5/2018 17:03	1	1
3	CP trực đêm	9/5/2018 14:44	9/5/2018 16:51	9/5/2018 17:02	9/5/2018 17:03	1	1
4	Chi phí ăn ca	9/5/2018 14:44	9/5/2018 16:51	9/5/2018 17:02	9/5/2018 17:03	1	1
5	CP độc hại	9/5/2018 14:44	9/5/2018 16:51	9/5/2018 17:02	9/5/2018 17:03	1	1
	TỔNG CỘNG					**5**	**5**

Ngày giờ in: 10/5/2018 09:30

7.3. Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo CH



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I

Cửa hàng : 212063

Kỳ thanh toán : 2606 - T6-2026

Chọn đầu ra : HTML Close after print

BẢNG KÊ TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI PHÍ THEO CỬA HÀNG

Kỳ thanh toán: 2606 - T6-2026

STT	Diễn giải	Định mức còn lại		Đề nghị		Phê duyệt		Chênh lệch	
		Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
1	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT		10.000		600.000		600.000		
	TỔNG CỘNG		**10.000**		**600.000**		**600.000**		

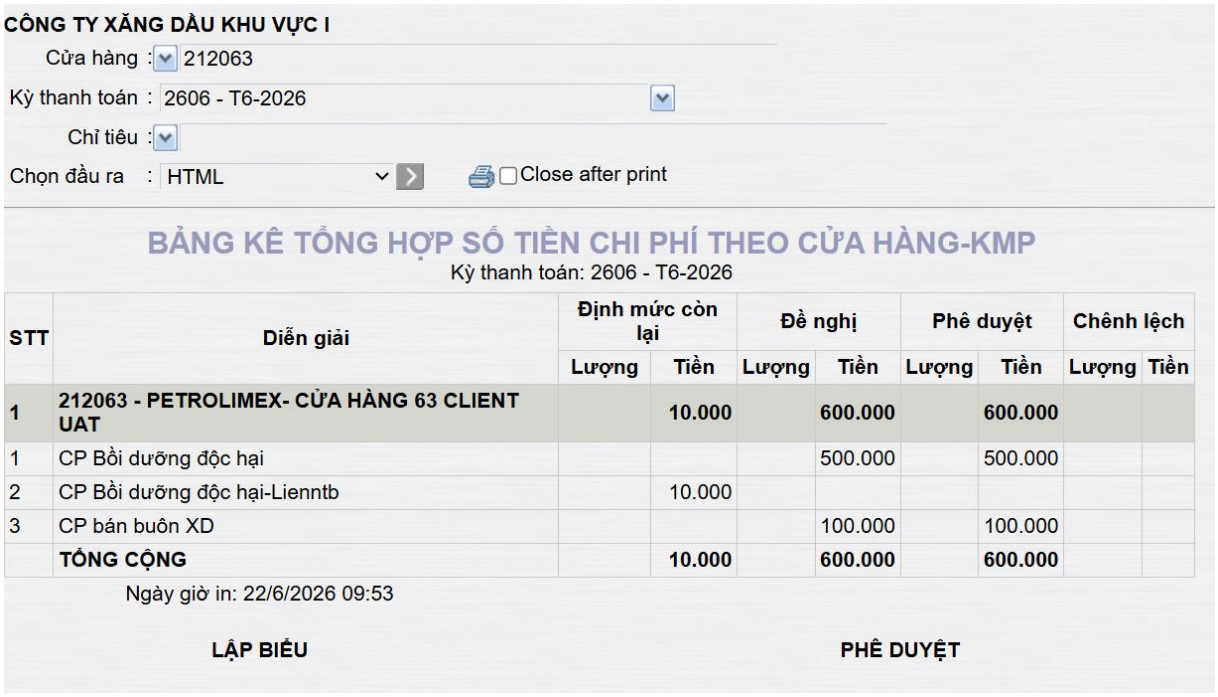
Ngày giờ in: 22/6/2026 09:55

LẬP BIỂU **PHÊ DUYỆT**

Khi kích chọn vào Link CHXD hệ thống tự động link đến báo cáo: Bảng tổng hợp số tiền chi phí theo CH-KMP

7.4. Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo CH-KMP

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo CH-KMP



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I

Cửa hàng : 212063

Kỳ thanh toán : 2606 - T6-2026

Chỉ tiêu :

Chọn đầu ra : HTML Close after print

BẢNG KÊ TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI PHÍ THEO CỬA HÀNG-KMP

Kỳ thanh toán: 2606 - T6-2026

STT	Diễn giải	Định mức còn lại		Đề nghị		Phê duyệt		Chênh lệch	
		Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
1	**212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 CLIENT UAT**		**10.000**		**600.000**		**600.000**		
1	CP Bồi dưỡng độc hại				500.000		500.000		
2	CP Bồi dưỡng độc hại-Lienntb		10.000						
3	CP bán buôn XD				100.000		100.000		
	TỔNG CỘNG		**10.000**		**600.000**		**600.000**		

Ngày giờ in: 22/6/2026 09:53

LẬP BIỂU **PHÊ DUYỆT**

7.5. Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo KMP-CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê tổng hợp số tiền chi phí theo KMP-CH



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I

Cửa hàng : 212063

Kỳ thanh toán : 2606 - T6-2026

Chỉ tiêu :

Chọn đầu ra : HTML Close after print

BẢNG KÊ TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI PHÍ THEO KHOẢN MỤC PHÍ-CỬA HÀNG

Kỳ thanh toán: 2606 - T6-2026

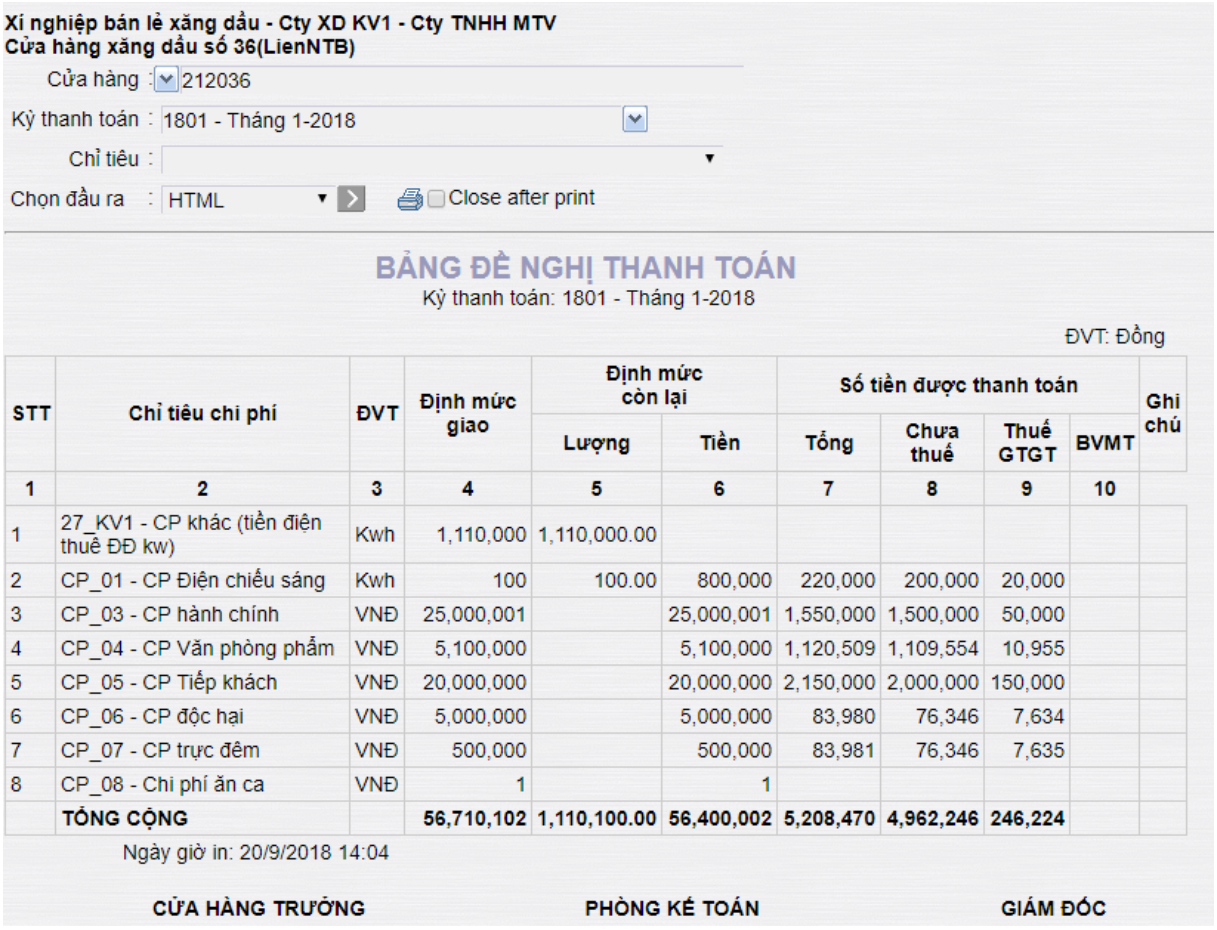
STT	Diễn giải	Định mức còn lại		Đề nghị		Phê duyệt		Chênh lệch	
		Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
1	**CP001 - CP BỒI DƯỠNG ĐỘC HẠI**				**500.000**		**500.000**		
1	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT				500.000		500.000		
2	**CP00111 - CP BỒI DƯỠNG ĐỘC HẠI-LIENNTB**		**10.000**						
1	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT		10.000						
3	**CP008 - CP BÁN BUÔN XD**				**100.000**		**100.000**		
1	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT				100.000		100.000		
	TỔNG CỘNG		**10.000**		**600.000**		**600.000**		

Ngày giờ in: 22/6/2026 09:49

LẬP BIỂU **PHÊ DUYỆT**

7.6. Bảng đề nghị thanh toán

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng đề nghị thanh toán



Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV
Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)

Cửa hàng : 212036

Kỳ thanh toán : 1801 - Tháng 1-2018

Chỉ tiêu :

Chọn đầu ra : HTML Close after print

BẢNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kỳ thanh toán: 1801 - Tháng 1-2018

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu chi phí	ĐVT	Định mức giao	Định mức còn lại		Số tiền được thanh toán				Ghi chú
				Lượng	Tiền	Tổng	Chưa thuế	Thuế GTGT	BVMT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	27_KV1 - CP khác (tiền điện thuê ĐĐ kw)	Kwh	1,110,000	1,110,000.00						
2	CP_01 - CP Điện chiếu sáng	Kwh	100	100.00	800,000	220,000	200,000	20,000		
3	CP_03 - CP hành chính	VNĐ	25,000,001		25,000,001	1,550,000	1,500,000	50,000		
4	CP_04 - CP Văn phòng phẩm	VNĐ	5,100,000		5,100,000	1,120,509	1,109,554	10,955		
5	CP_05 - CP Tiếp khách	VNĐ	20,000,000		20,000,000	2,150,000	2,000,000	150,000		
6	CP_06 - CP độc hại	VNĐ	5,000,000		5,000,000	83,980	76,346	7,634		
7	CP_07 - CP trực đêm	VNĐ	500,000		500,000	83,981	76,346	7,635		
8	CP_08 - Chi phí ăn ca	VNĐ	1		1					
	TỔNG CỘNG		**56,710,102**	**1,110,100.00**	**56,400,002**	**5,208,470**	**4,962,246**	**246,224**		

Ngày giờ in: 20/9/2018 14:04

CỬA HÀNG TRƯỞNG **PHÒNG KẾ TOÁN** **GIÁM ĐỐC**

7.7. Bảng đề nghị thanh toán- Tổng chỉ tiêu

CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM
PETROLIMEX-CỬA HÀNG 03

Cửa hàng : 401003

Kỳ thanh toán : 2507 - Tháng 07 năm 2025

Chỉ tiêu :

Chọn đầu ra : HTML Close after print

BẢNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kỳ thanh toán: 2507 - Tháng 07 năm 2025

ĐVT: Đồng

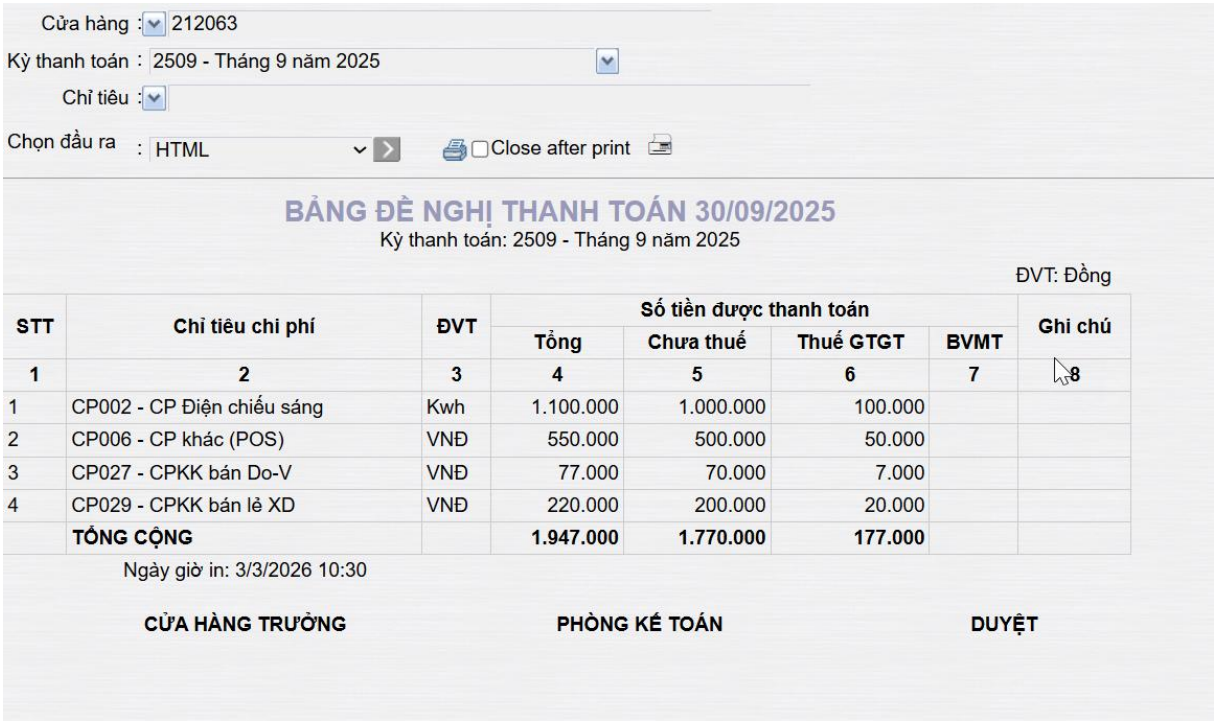
STT	Diễn giải	ĐVT	Định mức giao	Định mức còn lại		Số tiền được thanh toán				Ghi chú
				Lượng	Tiền	Tổng	Chưa thuế	Thuế GTGT	BVMT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	**CP Q.CÁO, TIẾP THỊ (DMN)**		**6.500.000,00**		**6.500.000**					
1	Định mức	VNĐ	6.500.000,00		6.500.000					
2	**CPKD - CHI PHÍ VĂN PHÒNG KHÁC (NƯỚC UỐNG)**		**2.226.000,00**		**2.226.000**					
1	Định mức	VNĐ	2.226.000,00		2.226.000					
3	**CHI PHÍ Q.CÁO, TIẾP THỊ.. (GAS)**		**9.490.555,00**		**9.490.555**					
1	Định mức	VNĐ	9.490.555,00		9.490.555					
4	**CHI PHÍ QUẢNG CÁO, TIẾP THỊ,...**		**11.378.731,00**		**11.378.731**					
1	Định mức	VNĐ	11.378.731,00		11.378.731					
5	**CHI PHÍ S.CHỮA NHỎ, B.QUẢN KHÁC**		**504.000,00**		**504.000**					
1	Định mức	VNĐ	504.000,00		504.000					
6	**CHI PHÍ TIỀN ĐIỆN**		**4.214.224,00**		**4.214.224**					
1	Định mức	VNĐ	4.214.224,00		4.214.224					
7	**CHI PHÍ VĂN PHÒNG KHÁC**		**462.963,00**		**462.963**					
1	Định mức	VNĐ	462.963,00		462.963					
8	**CHI PHÍ VĂN PHÒNG PHẨM**		**2.175.000,00**		**2.175.000**					
1	Định mức	VNĐ	2.175.000,00		2.175.000					
9	**CHI PHÍ VĂN PHÒNG PHẨM (GAS)**		**1.388.889,00**		**1.388.889**					
1	Định mức	VNĐ	1.388.889,00		1.388.889					
10	**CHI PHÍ VẬN CHUYỂN (DMN)**		**1.046.342,00**		**1.046.342**					
1	Định mức	VNĐ	1.046.342,00		1.046.342					
11	**CHI PHÍ VẬN CHUYỂN (GAS)**		**2.057.985,00**		**2.057.985**					
1	Định mức	VNĐ	2.057.985,00		2.057.985					
12	**CHI PHÍ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**		**509.259,00**		**509.259**					
1	Định mức	VNĐ	509.259,00		509.259					
	TỔNG CỘNG		**41.953.948,00**		**41.953.948**					

Ngày giờ in: 31/7/2025 14:27

CỬA HÀNG TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN GIÁM ĐỐC

7.8. Bảng đề nghị thanh toán NA

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng đề nghị thanh toán NA



Cửa hàng : 212063

Kỳ thanh toán : 2509 - Tháng 9 năm 2025

Chỉ tiêu :

Chọn đầu ra : HTML Close after print

BẢNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN 30/09/2025

Kỳ thanh toán: 2509 - Tháng 9 năm 2025

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu chi phí	ĐVT	Số tiền được thanh toán				Ghi chú
			Tổng	Chưa thuế	Thuế GTGT	BVMT	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	CP002 - CP Điện chiếu sáng	Kwh	1.100.000	1.000.000	100.000		
2	CP006 - CP khác (POS)	VNĐ	550.000	500.000	50.000		
3	CP027 - CPKK bán Do-V	VNĐ	77.000	70.000	7.000		
4	CP029 - CPKK bán lẻ XD	VNĐ	220.000	200.000	20.000		
	TỔNG CỘNG		**1.947.000**	**1.770.000**	**177.000**		

Ngày giờ in: 3/3/2026 10:30

CỬA HÀNG TRƯỞNG **PHÒNG KẾ TOÁN** **DUYỆT**

Kích Icon  để in giấy đề nghị thanh toán:



TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

PETROLIMEX

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHUYỂN TIỀN

Kính gửi: - BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY
- KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên : Admin XNBL
Đơn vị công tác : KHO TT S212

NGÀY THÁNG	MÃ LƯU TRỮ	NỘI DUNG THANH TOÁN	THÀNH TIỀN
13/12/2026		Thanh toán chi phí phát sinh tháng 12 năm 2026	1.947.000
		TỔNG CỘNG	**1.947.000**

Số tiền bằng chữ: Một triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng

Số tiền trên xin chuyển vào địa chỉ và số tài khoản sau:

Đơn vị hưởng :
Số tài khoản :
Tại :
Nội dung :

Ngày 3 tháng 3 năm 2026

DUYỆT KẾ TOÁN TRƯỞNG NGƯỜI KIỂM SOÁT PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

7.9. Bảng kê chứng từ thanh toán - VP

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê chứng từ thanh toán



Cửa hàng : 212080
Kỳ thanh toán : 2109
Chỉ tiêu :
Mức thuế :
Chọn đầu ra : HTML Close after print

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ THANH TOÁN CHI PHÍ
Kỳ thanh toán: 2109 - 9/2021

STT	Chứng từ			Hóa đơn						Chỉ tiêu phí	Loại hình KD	Hạng mục phí	Diễn giải	Số kê khai					Số	
	Ngày	Số	Loại	Ngày	Thuế suất	Mẫu-Seri	Số	MST	Tên khách					Số lượng	Tổng tiền	Chưa thuế	Thuế GTGT	BVMT	Số lượng	Tổng tiền
1	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 80 - HANHDTH														2.105.000	2.000.000	105.000			2.105.000
1	30/9/2021	BK3.50365	HĐ VAT	19/9/2021	3.5	02GTTT3/001-29AB/21P	0042624	010101010101	Lê Xuân Phong	CP khác (POS)	Xăng dầu	CPKD - DVMN - Tiền DV thông tin liên lạc, viễn thông	CP tháng 9		1.035.000	1.000.000	35.000			1.035.000
2	30/9/2021	BK9.1401	HĐ VAT	16/9/2021	7	02GTTT4/001-29AB/21P	0042625	0101010102	Lê Xuân Phong	CP Hỗ trợ BH Sơn	Hàng hóa khác	CPKD - Chi phí hỗ trợ bán hàng	CP tháng 9		1.070.000	1.000.000	70.000			1.070.000
	TỔNG CỘNG														2.105.000	2.000.000	105.000			2.105.000

Khi kích chọn vào Link Số chứng từ hệ thống tự động hiển thị chứng từ kê khai

Lưu ý:

- Thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy "Diễn giải" được cập nhật chi tiết từng chỉ tiêu. Nếu không cập nhật chi tiết thì lấy diễn giải tổng cập nhật ở "Ghi chú"
- Không cho phép sửa trường Loại hình kinh doanh, Hạng mục phí chứng từ hóa đơn đầu vào đối với các chứng từ BK3, BK5, BK9, BK10 khi chọn xem chi tiết từng chứng từ tại báo cáo nếu:
    - Loại hình kinh doanh đã được cập nhật tại Chi phí – tiền lương/ Cấu hình/ Chỉ tiêu, chi phí ,quỹ lương
    - Hạng mục phí đã được cập nhật tại Chi phí – tiền lương/ Cấu hình/ Chỉ tiêu, chi phí ,quỹ lương

7.10. Bảng kê chứng từ thanh toán - CH

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê chứng từ thanh toán



CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ NỘI-CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
PETROLIMEX- CỬA HÀNG 17
Kỳ thanh toán : 2401 - T1.2024
Chỉ tiêu :
Số hóa đơn : Mã số thuế
Chọn đầu ra : HTML Close after print

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ THANH TOÁN CHI PHÍ
Kỳ thanh toán: 2401 - T1.2024

STT	Chứng từ				Hóa đơn						Chi tiêu phí	Diễn giải	Số kê khai					Số phê duyệt				
	Ngày	Số	Loại	Mã FDA	Ngày	Thuế suất	Mẫu-Seri	Số	MST	Tên khách			Số lượng	Tổng tiền	Chưa thuế	Thuế GTGT	BVMT	Số lượng	Tổng tiền	Chưa thuế	Thuế GTGT	BVMT
	TỔNG CỘNG																					

Ngày giờ in: 18/6/2024 16:34

CỬA HÀNG TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN GIÁM ĐỐC

Khi kích chọn vào Link Số chứng từ hệ thống tự động hiển thị chứng từ kê khai

Lưu ý: Thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy "Diễn giải" được cập nhật chi tiết từng chỉ tiêu. Nếu không cập nhật chi tiết thì lấy diễn giải tổng cập nhật ở "Ghi chú"

7.11. Tổng hợp tình hình định mức chi phí

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Tổng hợp tình hình định mức chi phí

7.12. Bảng kê chi tiết chi phí khoán đã quyết toán

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê chi tiết chi phí khoán đã quyết toán

CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM

[Chọn nhanh] Từ ngày: 30/6/2025 Đến ngày: 31/7/2025

Cửa hàng : 401003

Chỉ tiêu : Tìm ghi chú :

Loại trừ BK9, BK10

Chọn đầu ra : HTML Close after print

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐỊNH MỨC CHI PHÍ

Từ ngày **30/6/2025** đến ngày **31/7/2025**

#	Cửa hàng/Chỉ tiêu chi phí	ĐVT	Định mức		Số đã phê duyệt		Số còn lại	
			Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
1	**401003 - PETROLIMEX-CỬA HÀNG 03**			**41.953.948**				
1	CP.Bao_quan - Chi phí s.chữa nhỏ, b.quản khác	VNĐ		504.000				
2	CP.Hanh_chinh02 - Chi phí văn phòng khác	VNĐ		462.963				
3	CP.TIEN_DIEN - Chi phí tiền điện	VNĐ		4.214.224				
4	CP.Tiep_thi01 - Chi phí Quảng cáo, Tiếp thị,...	VNĐ		11.378.731				
5	CP.Tiep_thi01_DMN - CP Q.cáo, Tiếp thị (DMN)	VNĐ		6.500.000				
6	CP.Tiep_thi01_GAS - Chi phí Q.cáo, Tiếp thị.. (GAS)	VNĐ		9.490.555				
7	CP.Tiep_thi02_DMN - Chi phí vận chuyển (DMN)	VNĐ		1.046.342				
8	CP.Tiep_thi02_GAS - Chi phí vận chuyển (GAS)	VNĐ		2.057.985				
9	CP.Van_phong01 - Chi phí văn phòng phẩm	VNĐ		2.175.000				
10	CP.Van_phong01_GAS - Chi phí văn phòng phẩm (GAS)	VNĐ		1.388.889				
11	CP.Van_phong03 - CPKD - Chi phí văn phòng khác (Nước uống)	VNĐ		2.226.000				
12	CP.Ve_sinh - Chi phí vệ sinh môi trường	VNĐ		509.259				
	TỔNG CỘNG			**41.953.948**				

7.13. Bảng kê tổng hợp chi phí khoán đã quyết toán

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê tổng hợp chi phí khoán đã quyết toán

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV
Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)

Cửa hàng : 212036,212037,212040,212041,212042,212043

Kỳ thanh toán : 1810 - Tháng 10-2018

Chọn đầu ra : HTML Close after print

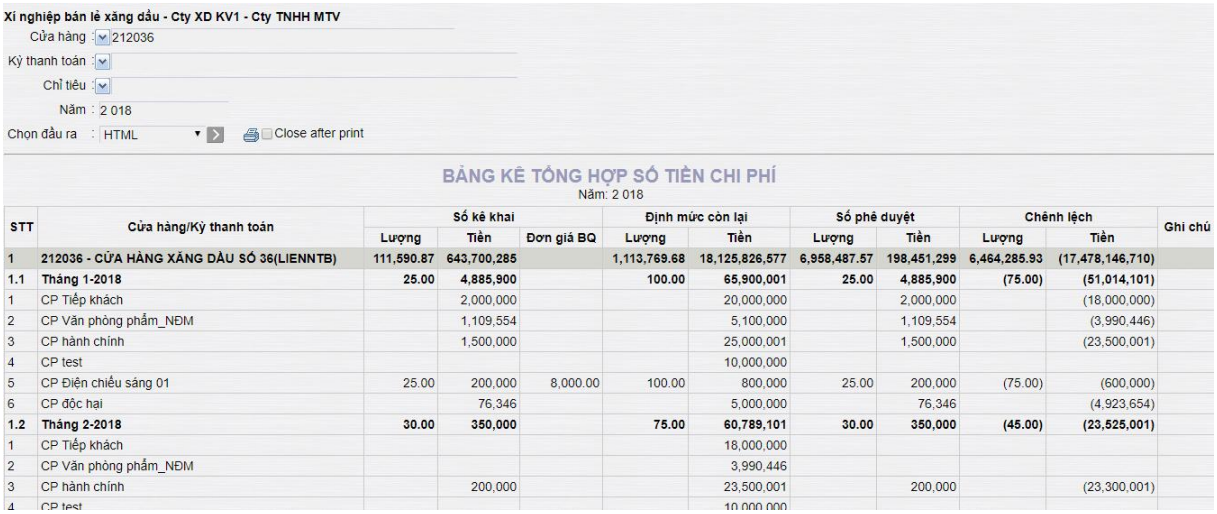
BẢNG KÊ TỔNG HỢP CHI PHÍ KHOÁN ĐÃ QUYẾT TOÁN

Kỳ thanh toán: 1810 - Tháng 10-2018

STT	Cửa hàng	Số chi phí đã duyệt			Số thanh toán đã duyệt	Chênh lệch
		Lượng	Số tiền chưa thuế	Tổng tiền		
1	Cửa hàng xăng dầu số 36(LienNTB)	11,647.07	51,158,011	56,233,952	56,233,952	
2	Cửa hàng xăng dầu số 37	7,002,140.00	53,660,072	58,636,942	58,636,942	
3	Cửa hàng xăng dầu số 41	4,540,636.00	112,971,923	124,269,117	124,269,117	
4	Cửa hàng xăng dầu số 42	34,280.05	124,448,410	136,721,963		136,721,963
5	Cửa hàng xăng dầu số 43	364,242.00	941,802,292	1,038,364,911		1,038,364,911
	TỔNG CỘNG	**11,952,945.12**	**1,284,040,708**	**1,414,226,885**	**239,140,011**	**1,175,086,874**

7.14. Bảng kê tổng hợp chi phí

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Bảng kê tổng hợp chi phí



Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV

Cửa hàng : 212036

Kỳ thanh toán :

Chỉ tiêu :

Năm : 2 018

Chọn đầu ra : HTML Close after print

BẢNG KÊ TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI PHÍ

Năm: 2 018

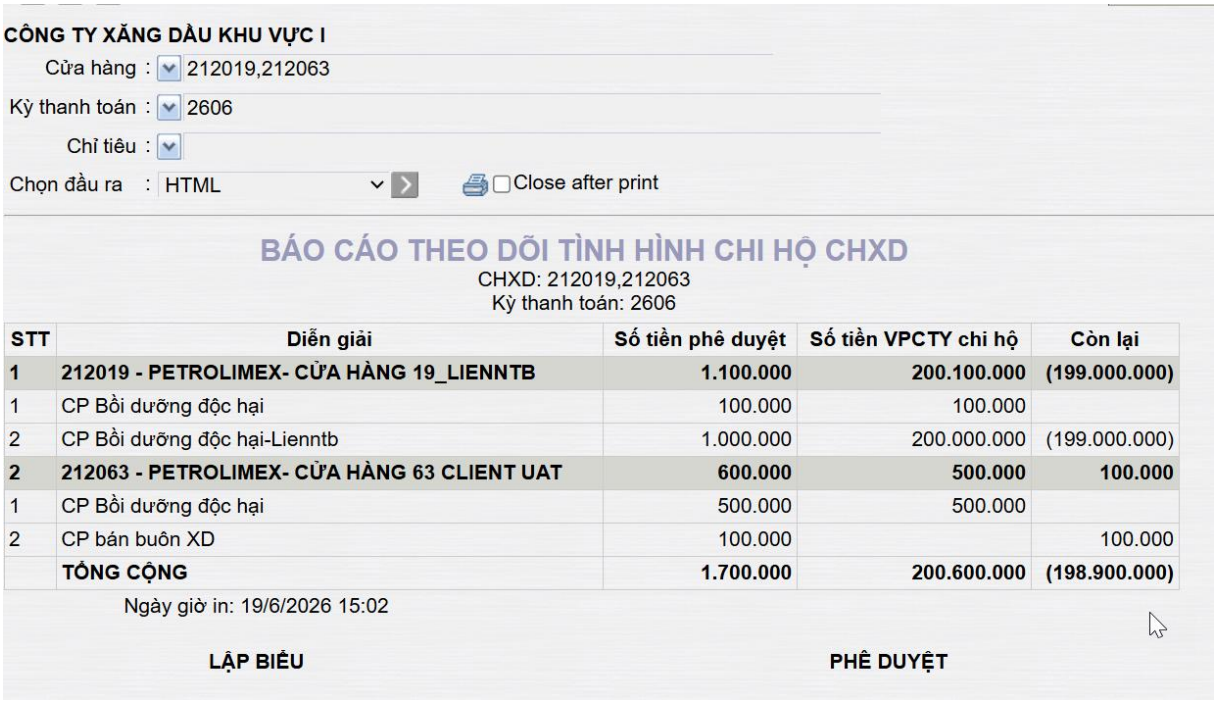
STT	Cửa hàng/Kỳ thanh toán	Số kê khai			Định mức còn lại		Số phê duyệt		Chênh lệch		Ghi chú
		Lượng	Tiền	Đơn giá BQ	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	
1	212036 - CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 36(LIENNTB)	111,590.87	643,700,285		1,113,769.68	18,125,826,577	6,958,487.57	198,451,299	6,464,285.93	(17,478,146,710)	
1.1	Tháng 1-2018	25.00	4,885,900		100.00	65,900,001	25.00	4,885,900	(75.00)	(51,014,101)	
1	CP Tiếp khách		2,000,000			20,000,000		2,000,000		(18,000,000)	
2	CP Văn phòng phẩm_NĐM		1,109,554			5,100,000		1,109,554		(3,990,446)	
3	CP hành chính		1,500,000			25,000,001		1,500,000		(23,500,001)	
4	CP test					10,000,000					
5	CP Điện chiếu sáng 01	25.00	200,000	8,000.00	100.00	800,000	25.00	200,000	(75.00)	(600,000)	
6	CP độc hại		76,346			5,000,000		76,346		(4,923,654)	
1.2	Tháng 2-2018	30.00	350,000		75.00	60,789,101	30.00	350,000	(45.00)	(23,525,001)	
1	CP Tiếp khách					18,000,000					
2	CP Văn phòng phẩm_NĐM					3,990,446					
3	CP hành chính		200,000			23,500,001		200,000		(23,300,001)	
4	CP test					10,000,000					

7.15. Báo cáo theo dõi tình hình chi hộ CHXD

Đường dẫn: Chi phí/ Báo cáo CH/ Báo cáo theo dõi tình hình chi hộ CHXD

User chạy báo cáo : User được phân quyền CEN0 - Chi phí (Administrator) hoặcCEN4 - Cửa hàng trưởng

Mẫu báo cáo:



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I

Cửa hàng : 212019,212063

Kỳ thanh toán : 2606

Chỉ tiêu :

Chọn đầu ra : HTML Close after print

BÁO CÁO THEO DÕI TÌNH HÌNH CHI HỘ CHXD

CHXD: 212019,212063

Kỳ thanh toán: 2606

STT	Diễn giải	Số tiền phê duyệt	Số tiền VPCTY chi hộ	Còn lại
1	212019 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 19_LIENNTB	1.100.000	200.100.000	(199.000.000)
1	CP Bồi dưỡng độc hại	100.000	100.000	
2	CP Bồi dưỡng độc hại-Lienntb	1.000.000	200.000.000	(199.000.000)
2	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 CLIENT UAT	600.000	500.000	100.000
1	CP Bồi dưỡng độc hại	500.000	500.000	
2	CP bán buôn XD	100.000		100.000
	TỔNG CỘNG	1.700.000	200.600.000	(198.900.000)

Ngày giờ in: 19/6/2026 15:02

LẬP BIỂU PHÊ DUYỆT

Điều kiện lọc báo cáo

- CHXD: Chọn 1 hoặc nhiều CHXD
    - User thuộc VPCTY chọn được nhiều CHXD
    - User thuộc CXHD chỉ chọn được CHXD của chính mình
    - Nếu để trống mặc định = tất cả CHXD thuộc phạm vi được phân quyền
- Kỳ chi phí: Chọn 1 hoặc nhiều danh mục kỳ thanh toán để cho phép chạy liên kỳ (bắt buộc phải nhập)
- Chỉ tiêu: Chọn trong danh mục chỉ tiêu chi phí. Nếu để trống mặc định = tất cả

Các trường thông tin

- Diễn giải: Mã + Tên chỉ tiêu chi phí
- Số tiền phê duyệt = Tổng Số tiền phê duyệt của các chỉ tiêu thỏa mãn điều kiện báo cáo
- Số tiền VPCTY chi hộ = Tổng Số tiền CHXD kê khai (trước thuế) của các chỉ tiêu thuộc Danh mục VPCTY chi hộ CHXD
- Còn lại = Số tiền phê duyệt – Số tiền VPCTY chi hộ

Nguyên tắc lấy dữ liệu:

- Trường hợp chạy nhiều kỳ thanh toán: Hệ thống thực hiện cộng gộp số liệu của tất cả các kỳ được chọn
- Điều kiện để lấy các chỉ tiêu chi phí VPCTY chi hộ CHXD:
    - Chỉ lấy các chỉ tiêu có thời gian "Từ ngày…đến ngày…" bao trọn thời gian của kỳ thanh toán được chọn
    - Ví dụ:
        - Kỳ thanh toán: 01/05/2026 -31/05/2026
        - Thời gian chỉ tiêu chi phí được VPCTY chi hộ CHXD
            - 01/01/2026 – 31/12/2026 → Được lấy
            - 01/05/2026 – 31/05/2026 → Được lấy
            - 01/05/2026 – 15/05/2026 → Không lấy
            - 01/04/2026 – 15/05/2026 → Không lấy
            - 15/05/2026 – 30/06/2026 → Không lấy

Sắp xếp theo: CHXD, Mã chỉ tiêu chi phí

7.16. Báo cáo kiểm soát hóa đơn theo MST

Đường dẫn: Chi phí tiền lương/ Báo cáo CH/ Báo cáo kiểm soát hóa đơn theo MST

User chạy báo cáo : User được phân quyền CEN0 - Chi phí (Administrator)

Mẫu báo cáo:



Báo cáo kiểm soát hóa đơn theo MST

Kỳ thanh toán: 2608

STT	Chứng từ			Hóa đơn				Diễn giải	Số kê khai				Cửa hàng
	Ngày	Số	Mã FDA	Thuế suất	Mẫu-Seri	Số	Tên khách		Tổng tiền	Tiền chưa thuế	Thuế GTGT	Thuế BVMT	
1	**MST: 0106338159**								**6.600.000**	**6.000.000**	**600.000**		
1.1	**Ngày hóa đơn: 22/08/2026**								**6.600.000**	**6.000.000**	**600.000**		
1	22/8/2026	BK3.53069		10	K26THA	9798799	CÔNG TY TNHH SÁCH LỊCH SEN VIỆT		6.600.000	6.000.000	600.000		212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT
2	**MST: 0110088906**								**11.400.000**	**10.600.000**	**800.000**		
2.1	**Ngày hóa đơn: 19/08/2026**								**2.200.000**	**2.000.000**	**200.000**		
1	21/8/2026	BK3.53068		10	K26THA	345345	Công ty điện lực Thanh Trì		2.200.000	2.000.000	200.000		212019 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 19_LIENNTB
2.2	**Ngày hóa đơn: 20/08/2026**								**4.400.000**	**4.000.000**	**400.000**		
1	21/8/2026	BK3.53064		10	1-K26THA	78987	Công ty điện lực Thanh Trì		2.200.000	2.000.000	200.000		212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT
2	20/8/2026	BK3.53065		10	K26THA	9798789	Công ty cổ phần viễn thông FPT		2.200.000	2.000.000	200.000		212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT
2.3	**Ngày hóa đơn: 21/08/2026**								**4.800.000**	**4.600.000**	**200.000**		
1	21/8/2026	BK3.53066		10	K26THA	6455	Trung tâm kinh doanh VNPT-Hà Nội- C		4.800.000	4.600.000	200.000		212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT
3	**MST: 1702218714**								**16.480.000**	**15.050.000**	**1.430.000**		
3.1	**Ngày hóa đơn: 16/08/2026**								**3.500.000**	**3.050.000**	**450.000**		
1	21/8/2026	BK9.2802		10	K26THA	67867	Công ty cổ phần viễn thông FPT		3.300.000	3.000.000	300.000		212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT
2	21/8/2026	BK9.2805		10	K26THA	75657	Công ty cổ phần viễn thông FPT		200.000	50.000	150.000		212019 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 19_LIENNTB
3.2	**Ngày hóa đơn: 17/08/2026**								**3.300.000**	**3.000.000**	**300.000**		
1	21/8/2026	BK9.2806		10	1-K26THA	5756765	Công ty điện lực Thanh Trì		3.300.000	3.000.000	300.000		212019 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 19_LIENNTB
3.3	**Ngày hóa đơn: 21/08/2026**								**9.680.000**	**9.000.000**	**680.000**		
1	21/8/2026	BK9.2804		10	1-K26THA	456456	Công ty điện lực Thanh Trì		4.180.000	4.000.000	180.000		212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT
2	21/8/2026	BK9.2801		10	1-K26THA	56567	Công ty điện lực Thanh Trì		2.200.000	2.000.000	200.000		212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT
3	21/8/2026	BK9.2803		10	1-K26THA	57576	Tổng CôngTy may 10-CTCP		3.300.000	3.000.000	300.000		212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT
	TỔNG CỘNG								**34.480.000**	**31.650.000**	**2.830.000**		

Điều kiện lọc báo cáo

- Chọn Từ ngày giờ - Đến ngày giờ
- Kỳ toán: Chọn 1 hoặc nhiều kỳ thanh toán (bắt buộc phải nhập)
- MST: Nhập MST cần tìm kiếm
- Số tiền:
    - Bỏ trống số tiền
    - Nhập số tiền
- Chọn đầu ra: Kết xuất báo cáo dạng HTML hoặc Excel

Các trường thông tin

- Ngày: Ngày chứng từ hạch toán
- Số: Số chứng từ
- Mã FDA: Mã FDA của hóa đơn tại hệ thống FDA
- Thuế suất: Mức thuế suất
- Mẫu Seri: Mẫu Seri hóa đơn
- Số: Số hóa đơn
- Tên khách: Tên khách hàng
- Diễn giải:
- Số kê khai/Tổng tiền: Tổng tiền của hóa đơn
- Số kê khai/Tiền chưa thuế: Tiền kê khai trước thuế
- Số kê khai/Tiền thuế: Tiền thuế GTGT
- Số kê khai/Thuế BVMT: Tiền thuế BVMT
- Cửa hàng: Cửa hàng kê khai hóa đơn chi phí trong kỳ

Nguyên tắc lấy dữ liệu:

- Trường hợp chạy nhiều kỳ thanh toán: Hệ thống thực hiện cộng gộp số liệu của tất cả các kỳ được chọn
- Điều kiện để lấy các hóa đơn theo MST:
    - Chỉ lấy các chỉ tiêu có thời gian "Từ ngày…đến ngày…" bao trọn thời gian của kỳ thanh toán được chọn
- Trường hợp điều kiện lọc Số tiền:
    - Bỏ trống số tiền: Báo cáo chỉ hiển thị danh sách các hóa đơn thanh toán bằng tiền mặt có tổng tiền theo từng MST/ngày lớn hơn giá trị thiết lập tại tham số Max_Cash_Amount_Day
    - Nhập số tiền: Báo cáo hiển thị danh sách các hóa đơn thanh toán bằng tiền mặt có tổng tiền theo từng MST/ngày lớn hơn số tiền đã nhập

Sắp xếp theo: MST, Ngày hóa đơn, CHXD

7.17. Các báo cáo tích hợp

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương / B/cáo CH/ Tích hợp

8. CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

8.1. Danh sách các quyền để thực hiện các chức năng tại phân hệ chi phí

Với các user Cửa hàng trưởng: Piacom tự động phân quyền CEN4 để cửa hàng cập nhật chi phí. Với các User khác, đơn vị chủ động phân quyền cho User theo từng nhóm quyền sau:

- Danh sách các quyền cho Cửa hàng
    - CEN2 - Giao chi phí khoán
    - CEN4 - Cửa hàng trưởng
    - CEN8 - Cửa hàng phê duyệt
- Danh sách các quyền cho Văn phòng
    - CEN0 - Chi phí (Administrator)
    - CEN1 - Danh mục chi phí
    - CEN2 - Giao chi phí khoán
    - CEN4 - Cửa hàng trưởng
    - CEN5 - Văn phòng phê duyệt (Gồm quyền "phê duyệt chi phí" và "tích hợp chi phí")
    - CEN6 - Tích hợp chi phí (Có quyền "Tích hợp chi phí", không có quyền "phê duyệt chi phí")

8.2. Cách tạo một chỉ tiêu chi phí mới từ một chỉ tiêu chi phí có sẵn

Mục đích: Khai báo thêm một chỉ tiêu chi phí mới, Copy toàn bộ các thông tin của chỉ tiêu chi chi phí có sẵn.

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Cấu hình/Chỉ tiêu lương, chi phí, quỹ lương

Cách thực hiện:

Bước 1: Chọn Chỉ tiêu chi phí cần copy thông tin bằng cách nhấn vào link Mã chỉ tiêu tương ứng



	Mã	Diễn giải	Hạng mục phí khoán	Phương thức	Loại chi phí	ĐVT	Hệ số/Định mức	run-Order	Cen-Ref
1	CP_08	Chi phí ăn ca	CPSXC003 - CPSXC - Chi phí ăn giữa ca	1	1	VNĐ	1.00000	0	ALL_INV
2	CP_07	CP trực đêm	CPKD008 - CPKD - Phí Khác	1	1	VNĐ	1.00000	0	ALL_INV
3	CP_06	CP độc hại	CPKD001 - CPKD - CP bồi dưỡng độc hại	1	1	VNĐ	1.00000	0	ALL_INV
4	CP_05	CP Tiếp khách	CPKD009 - CPKD - Chi phí hỗ trợ bán hàng	1	1	VNĐ	1.00000	0	ALL_INV
5	CP_04	CP Văn phòng phẩm	CPKD013 - CPKD - Chi phí văn phòng phẩm	1	1	VNĐ	1.00000	0	ALL_INV
6	CP_03	CP hành chính		1	1	VNĐ	1.00000	0	ALL_INV
7	CP_02	CP Nước	CPSXC002 - CPSXC - DVMN - Tiền nước	1	1	M3	1.00000	0	ALL_INV
8	CP_01	CP Điện chiếu sáng	CPSXC001 - CPSXC - DVMN - Tiền điện	1	1	Kwh	1.00000	0	ALL_INV
9	28_KV1 DMN	CP hỗ trợ bán hàng	CPKD009 - CPKD - Chi phí hỗ trợ bán hàng	1	1	VNĐ	1.00000	0	0
10	27_KV1	CP khác (tiền điện thuê ĐĐ)	CPSXC001 - CPSXC - DVMN - Tiền điện	1	1	VNĐ	1.00000	0	ALL_INV
11	26_KV1 HHK	CP hỗ trợ bán hàng	CPKD009 - CPKD - Chi phí hỗ trợ bán hàng	1	1	VNĐ	1.00000	0	0

Bước 2:

- Kích chọn nút  để nút "Lưu" đổi thành " Save As (Ctr +S)"

- Sửa lại các thông tin cần thay đổi của chỉ tiêu chi phí mới và Kích chọn nút "Save As (Ctr +S)"



8.3. Mối quan hệ giữa Kỳ quyết toán và Kỳ thanh toán

- Kỳ Quyết toán, Kỳ Thanh toán được khai báo theo khoảng thời gian Từ ngày, Đến ngày. Kỳ thanh toán là tập con của Kỳ quyết toán.
    - Kỳ quyết toán là kỳ giao định mức cho các chỉ tiêu chi phí, là tháng/ hoặc quý/ hoặc năm. Tùy và phương án khoán người dùng sẽ chọn kỳ quyết toán cho từng chỉ tiêu chi phí tương ứng.
    - Kỳ thanh toán là kỳ để thanh toán các khoản chi phí cho cửa hàng. Một kỳ quyết toán có thể bao gồm một/ hoặc nhiều kỳ thanh toán.
- Giao chi phí khoán theo Kỳ quyết toán. Thanh toán chi phí theo Kỳ thanh toán.

8.4. Cách tạo một Kỳ thanh toán mới từ một Kỳ thanh toán có sẵn

Mục đích: Khai báo thêm một kỳ thanh toán mới, Copy toàn bộ các thông tin của kỳ thanh toán có sẵn.

Đường dẫn: Chi phí- tiền lương/Danh mục/Kỳ Thanh toán

Cách thực hiện: Giống với cách tạo một chỉ tiêu chi phí mới từ một chỉ tiêu chi phí có sẵn.

Chú ý: Chỉ thực hiện Save-As từ các kỳ thanh toán có trạng thái = "Mở kỳ" tại tất cả các Cửa hàng (chưa CH nào gửi đề nghị phê duyệt chi phí). Nếu thực hiện Save-As

từ kỳ thanh toán đã được CH gửi đề nghị phê duyệt thì kỳ thanh toán mới tạo cũng sẽ tự động để ngày đề nghị phê duyệt = ngày đề nghị phê duyệt của kỳ thanh toán được Save-As.

8.5. Giao chi phí khoán theo chỉ tiêu tổng nhưng thanh toán theo từng khoản chi tiết thì thực hiện như thế nào?

Mục đích:

- Vpcty giáo chi phí khoán cho CH theo số Số Tổng của nhiều Hạng mục phí.
- CH thực hiện kê khai chi phí theo các hạng mục chi tiết sao cho tổng các Hạng mục chi tiết không vượt quá Số tổng được giao.

Ví dụ:

Vpcty/CN giao khoán cho CH theo chỉ tiêu chi phí: Chi phí hành chính. Khi thanh toán cho Chi phí hành chính, CH kê khai các khoản chi tiết bao gồm:

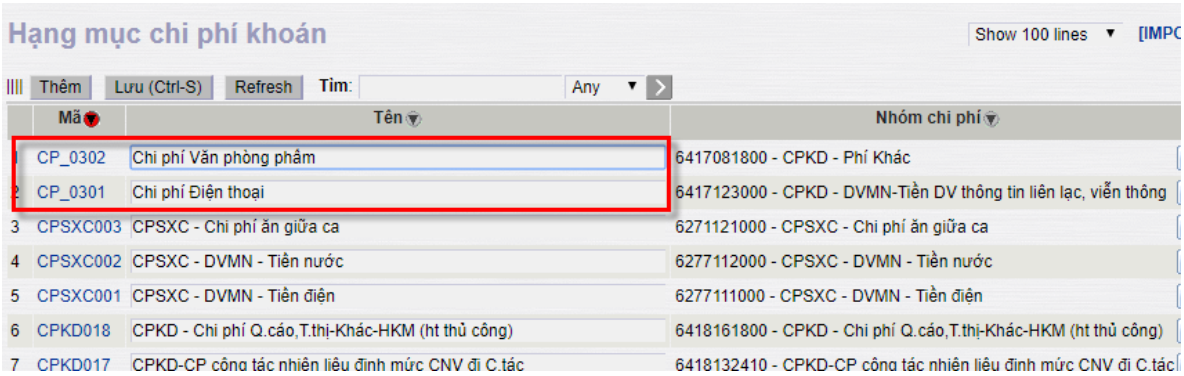
- Chi phí điện thoại
- Chi phí Văn phòng phẩm.

Cách thực hiện:

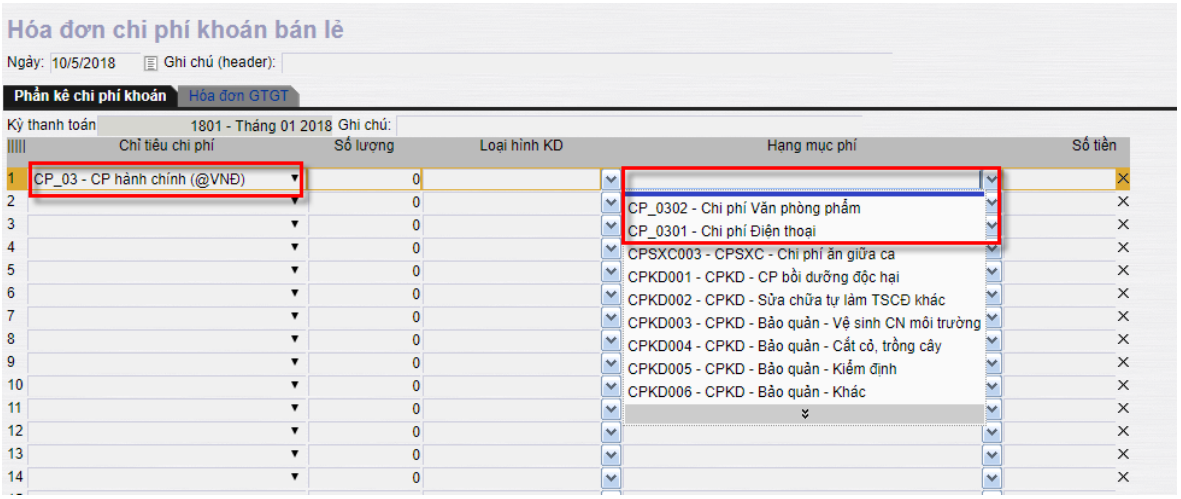
Bước 1: VP tạo chỉ tiêu "Chi phí hành chính" và bỏ trống trường thông tin "Hạng mục phí khoán"



Bước 2: VP tạo các "Hạng mục chi phí": Chi phí điện thoại, Chi phí Văn phòng phẩm



Bước 3: Khi cập nhật chứng từ chi phí, Cửa hàng chọn chỉ tiêu phí = "Chi phí hành chính" và chọn "Hạng mục phí" trong danh sách.



8.6. Cách thực hiện giao chi phí bằng cả Excel và Load định mức kỳ trước

Bước 1: Thực hiện Import từ file excel (Tại mục 5.1.2)

Bước 2: Sau khi toàn bộ dữ liệu từ file excel được Import vào hệ thống. Thực hiện Load dữ liệu từ kỳ trước (Tại mục 5.1.1)

Chú ý:

- Trường hợp đơn vị đã Load chi phí khoán từ kỳ trước sang, muốn Import thêm dữ liệu từ Excel. Nếu các chỉ tiêu trong file Excel đã được giao trên hệ thống, đơn vị cần phải xóa chỉ tiêu trên hệ thống trước khi Import dữ liệu từ Excle vào.

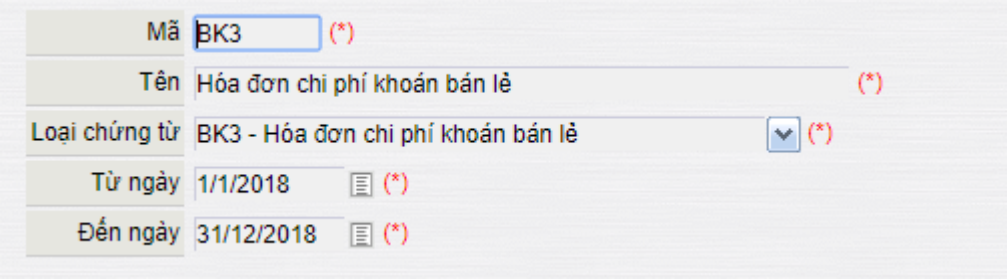
8.7. Mở kỳ kế toán riêng cho các chứng từ chi phí

Để thực hiện mở kỳ kế toán riêng cho các chứng từ chi phí, người dùng sử dụng chức năng "Mở kỳ kế toán" theo từng phương thức. Cách thực hiện như sau:

Bước 1: Vào meu: Quản trị hệ thống/ Mở kỳ kế toán theo phương thức

Bước 2: Khai báo "Kỳ kế toán" cho các phương thức liên quan đến chi phí: BK3, BK5, BK9, GL5, TT5 như sau:

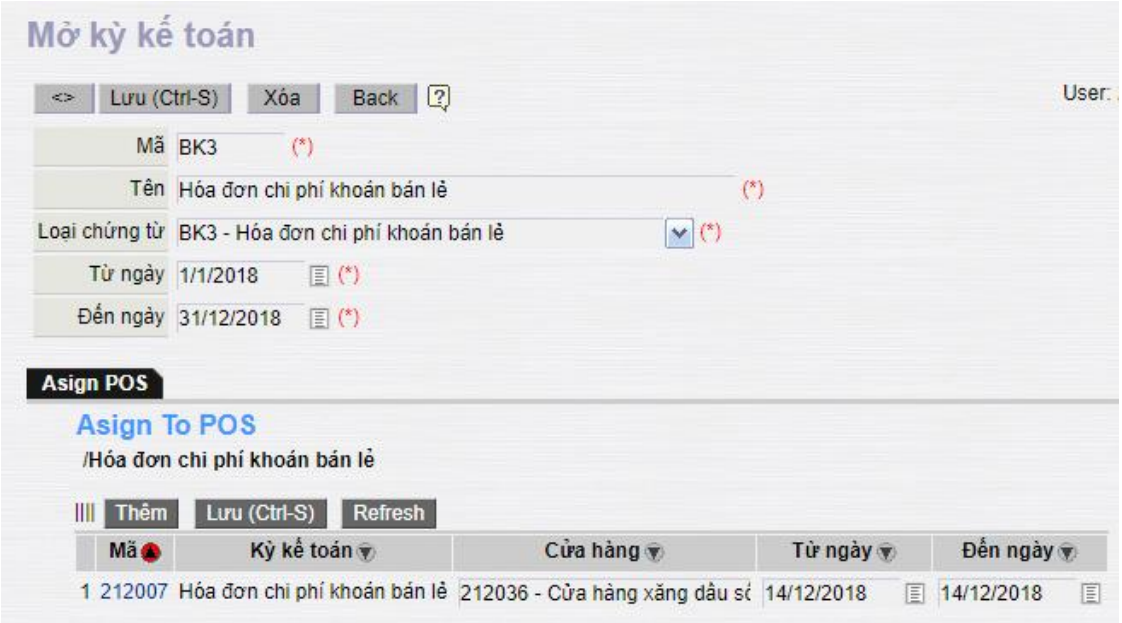
- **TH1:** Tại màn hình mở kỳ thanh toán, nếu chưa có phương thức cần khóa, người dùng Kích chọn nút "Thêm". Thực hiện khai báo kỳ kế toán theo từng phương thức và lưu lại.



STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Mã	Mã phương thức	BK3	Tự nhập	X
2	Tên	Tên phương thức	Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ	Tự nhập	X
3	Loại chứng từ	Mã phương thức – Tên phương thức	BK3- Hóa đơn chi phí khoán bán lẻ	Chọn trong danh sách	X
4	Từ ngày	Ngày bắt đầu hiệu lực	01/01/2018	Tự nhập	X
5	Đến ngày	Ngày hết hiệu lực	31/12/2018	Tự nhập	X

Chú ý:

- Trường hợp cần khóa riêng "kỳ kế toán" theo từng CH, người dùng thực hiện khai báo cửa hàng tại tab "Asign To Pos".
- Nếu cửa hàng không được khai báo tại tab " Asign To Pos" thì hệ thống chặn "Kỳ kế toán" theo điều kiện khai báo ở trên



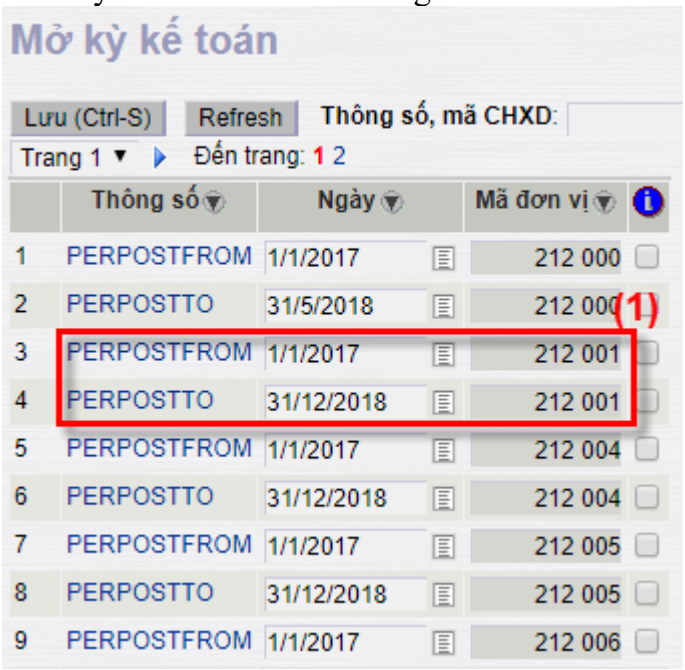
- **TH2:** Tại màn hình mở kỳ thanh toán đã có phương thức cần khóa, người dùng thực hiện kích vào mã chứng từ và sửa lại thời gian từ ngày…đến ngày… về khoảng thời gian mong muốn.



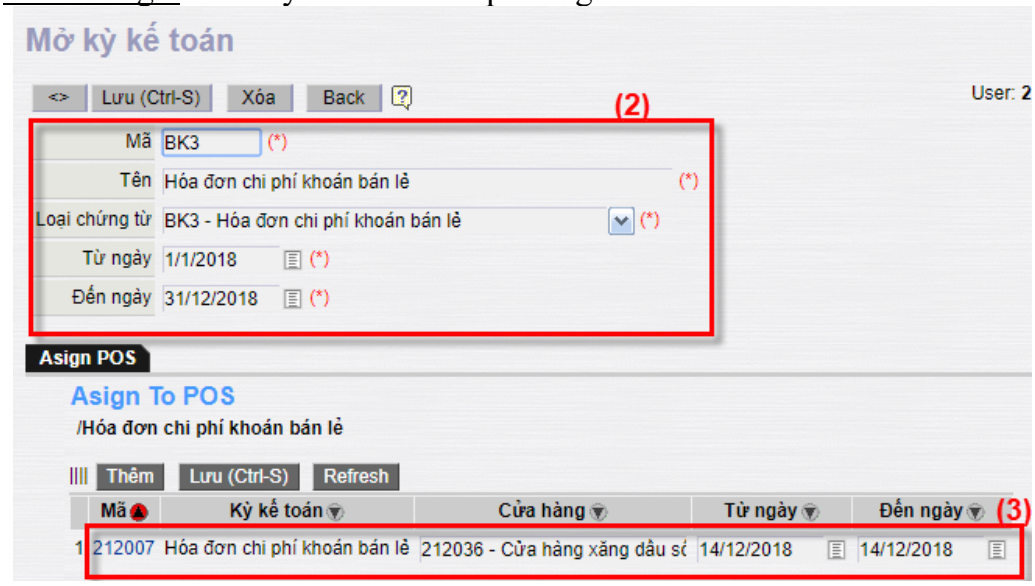
Ghi chú:

Trên hệ thống Egas thiết kế 2 chức năng "Mở kỳ kế toán" cho các CH.

- Chức năng 1: Mở kỳ kế toán theo Cửa hàng



- Chức năng 2: Mở kỳ kế toán theo phương thức



Khi kiểm tra “Kỳ kế toán” của một chứng từ, Hệ thống thực hiện như sau:

- Kiểm tra “Kỳ kế toán” tại “chức năng 2”.
  - Nếu tại “chức năng 2” không khai “kỳ kế toán” cho phương thức: Chứng từ sẽ được chặn theo điều kiện được khai báo tại “chức năng 1”.
  - Ngược lại, nếu tại “chức năng 2” có khai báo “Kỳ kế toán” cho phương thức của chứng từ
    - Ưu tiên kiểm tra “kỳ kế toán” tại tab “Asign To Pos” theo Cửa Hàng (vùng3)
    - Nếu không khai báo “Kỳ kế toán” riêng cho CH, hệ thống chặn theo điều kiện khai báo ở trên (vùng 2)

========== o0o ==========